



TRẦN THỊ VINH (Chủ biên)
HOÀNG HẢI HÀ – NGUYỄN THỊ THU THUY
NGÔ THỊ HIỀN THUY – ĐÀO TUẤN THÀNH

Bài tập LỊCH SỬ

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THỊ VINH (Chủ biên)
HOÀNG HẢI HÀ – ĐÀO TUẤN THÀNH
NGÔ THỊ HIỀN THUY – NGUYỄN THỊ THU THUY

Bài tập LỊCH SỬ 11

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Lời nói đầu

Bài tập Lịch sử 11 được biên soạn bám sát nội dung SGK *Lịch sử 11* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hệ thống câu hỏi và bài tập nhằm mục đích giúp các em luyện tập, củng cố những kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong quá trình học tập trên lớp, cũng như vận dụng vào cuộc sống hiện tại.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần:

PHẦN MỘT: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Gồm nhiều dạng câu hỏi, bài tập trắc nghiệm, tự luận, được thiết kế theo các mức độ nhận thức khác nhau (biết, hiểu, vận dụng). Các dạng câu hỏi, bài tập này nhằm giúp học sinh rèn luyện các kĩ năng môn Lịch sử (làm việc với tư liệu, dữ kiện lịch sử, trình bày, giải thích, phân tích, suy luận, đánh giá, vận dụng,...), từ đó góp phần hình thành các năng lực chung cũng như năng lực đặc thù của môn học ở học sinh (tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức lịch sử vào cuộc sống).

PHẦN HAI: ĐÁP ÁN (đối với câu hỏi trắc nghiệm) VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP (đối với dạng tự luận)

Điều các tác giả mong muốn khi em thực hiện bài tập trong cuốn sách này là hãy ghi kết quả vào vở để giữ gìn cuốn sách dành tặng cho các em học sinh lớp sau.

Các tác giả hi vọng cuốn *Bài tập Lịch sử 11* – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* sẽ hỗ trợ tốt cho các em trong quá trình học tập môn học và có hứng thú khi tìm hiểu, khám phá tri thức lịch sử.

Nội dung sách khó tránh khỏi những sai sót, hạn chế nhất định, rất mong nhận được ý kiến góp ý của quý thầy, cô giáo, quý vị phụ huynh và các em học sinh.

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

	<i>Trang</i>
PHẦN MỘT: CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP	5
Chủ đề 1. Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	5
Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	5
Bài 2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	10
Chủ đề 2. Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay.....	14
Bài 3. Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.....	14
Bài 4. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.....	17
Chủ đề 3. Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á	22
Bài 5. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	22
Bài 6. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	26
<i>Đề minh hoạ số 1</i>	<i>31</i>
<i>Đề minh hoạ số 2</i>	<i>35</i>
Chủ đề 4. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945).....	40
Bài 7. Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	40
Bài 8. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III trước Công nguyên đến cuối thế kỉ XIX)	45
Chủ đề 5. Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) ...	50
Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.....	50
Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	53
Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)	55
Chủ đề 6. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	58
Bài 12. Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	58
Bài 13. Việt Nam và Biển Đông	61
<i>Đề minh hoạ số 3</i>	<i>67</i>
<i>Đề minh hoạ số 4</i>	<i>72</i>
PHẦN HAI: ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP.....	77

PHẦN MỘT

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Chủ đề 1

CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 12 dưới đây.

1. Cách mạng tư sản là

- A. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá lãnh đạo.
- B. cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo.
- C. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân lãnh đạo.
- D. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và nông dân lãnh đạo.

2. Cuộc cách mạng tư sản nhằm

- A. thiết lập hình thái Nhà nước vô sản và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- B. thiết lập hình thái Nhà nước tư sản và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- C. thiết lập hình thái Nhà nước vô sản và mở đường cho chủ nghĩa xã hội phát triển.
- D. thiết lập hình thái Nhà nước quân chủ lập hiến và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

3. Ý nào đúng khi nói về tiền đề đưa đến sự bùng nổ của cách mạng tư sản?
- A. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị và triết học chín muồi.
 - B. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị chín muồi.
 - C. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng chín muồi.
 - D. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về xã hội, tư tưởng và chính trị chín muồi.
4. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng kinh tế nước Anh trước khi cách mạng tư sản bùng nổ?
- A. Nội thương và ngoại thương nước Anh phát triển rất mạnh mẽ.
 - B. Quan hệ tiền tệ đã thâm nhập vào nông thôn nước Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và cách thức kinh doanh.
 - C. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Anh đã phát triển cả trong công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.
 - D. Nền sản xuất nước Anh đã sử dụng máy móc và máy hơi nước.
5. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng kinh tế của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ trước khi chiến tranh với chính quốc Anh bùng nổ?
- A. Nền kinh tế của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ phát triển ngang bằng với chính quốc.
 - B. Không có quyền tự do buôn bán với các nước, phải thông qua chính quốc.
 - C. Sản xuất trong các công trường thủ công phát triển, nhiều trung tâm công nghiệp hình thành ở miền Bắc, miền Trung.
 - D. Phải nộp nhiều loại thuế khác nhau cho chính quốc.
6. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng kinh tế nước Pháp trước khi cách mạng tư sản bùng nổ?
- A. Nền kinh tế Pháp ở thế kỉ XVIII đã phát triển khá mạnh, nhất là về công nghiệp và thương nghiệp.
 - B. Mậu dịch nước Pháp rất phát triển, nước Pháp chiếm một nửa số tiền tệ của toàn châu Âu.
 - C. Nông nghiệp nước Pháp phát triển mạnh theo hướng sản xuất tư bản chủ nghĩa, hỗ trợ cho công nghiệp.
 - D. Máy hơi nước và máy móc đã xuất hiện ở Pháp, nhưng chưa được áp dụng phổ biến.

7. Ý nào phản ánh đúng về quyền lực của vua Anh trước khi cách mạng tư sản bùng nổ?
- A. Vua Anh nắm mọi quyền lực, cai trị độc đoán.
 - B. Vua Anh nắm quyền hành pháp, đứng đầu Chính phủ.
 - C. Vua Anh nắm quyền lập pháp, thao túng Quốc hội.
 - D. Vua Anh không có quyền can thiệp vào hoạt động của Toà án.
8. Khai thác Tư liệu 2 (tr. 8, SGK) và cho biết ý nào **không** phản ánh đúng quyền lực của vua Pháp trước khi cách mạng bùng nổ?
- A. Vua có quyền hành chuyên chế và vô hạn.
 - B. Vua có quyền quyết định cao nhất mọi công việc đối nội và đối ngoại của quốc gia.
 - C. Vua ban hành nhiều "mật lệnh" nhằm khủng bố nhân dân khiến hàng trăm người bị bắt, bị tù đầy.
 - D. Vua tôn trọng quyền quyết định của Quốc hội trong xây dựng luật pháp.
9. Nửa cuối thế kỉ XIX, nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho nước Đức và I-ta-li-a là gì?
- A. Thoát khỏi ách thống trị của nước ngoài.
 - B. Thành lập chính quyền của giai cấp tư sản.
 - C. Xoá bỏ tình trạng phân tán về chính trị, thống nhất đất nước.
 - D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
10. Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII?
- A. Cách mạng tư sản Anh có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người trong buổi đầu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.
 - B. Cách mạng tư sản Anh thắng lợi đã đặt dấu mốc cho sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Anh.
 - C. Cách mạng tư sản Anh đã lật đổ chế độ phong kiến.
 - D. Cách mạng tư sản Anh được ví như "cái chổi khổng lồ" quét sạch mọi rác rưởi của chế độ phong kiến.
11. Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?
- A. Giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh khỏi ách thống trị thực dân.
 - B. Đưa đến sự thành lập của nhà nước tư sản đầu tiên ở ngoài châu Âu.
 - C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập ở nhiều nước trên thế giới.
 - D. Là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất trong lịch sử.

12. Ý nào không phản ánh đúng ý nghĩa của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII?

- A. Cách mạng tư sản Pháp đã xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền dân chủ tư sản.
- B. Cách mạng tư sản Pháp đã mở đường cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ hơn.
- C. Cách mạng tư sản Pháp đã mở ra thời đại thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản trên thế giới.
- D. Cách mạng tư sản Pháp đã đáp ứng quyền lợi của đông đảo quần chúng nhân dân lao động.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về tiền đề, mục tiêu và nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản.

- 1. Những biến đổi về kinh tế làm mâu thuẫn xã hội ở Tây Âu và Bắc Mỹ ngày càng gay gắt.
- 2. Càng giàu có về kinh tế, giai cấp tư sản và đồng minh lại càng khao khát có quyền chính trị tương ứng.
- 3. Giai cấp tư sản tìm mọi cách để thuyết phục nhà vua tạo điều kiện thuận lợi cho họ kinh doanh.
- 4. Dẫn đường cho các cuộc cách mạng tư sản là tư tưởng của Giáo hội Thiên Chúa.
- 5. Khi chưa có hệ tư tưởng dân chủ tư sản, tư tưởng của Giáo hội Thiên Chúa giáo là ngọn cờ tập hợp quần chúng làm cách mạng.
- 6. Đạo Tin lành ở Hà Lan và Thanh giáo ở Anh dẫn đường cho giai cấp tư sản và quần chúng ở các nước này đấu tranh chống phong kiến, tiến hành cách mạng tư sản.
- 7. Cách mạng tư sản nhằm xoá bỏ những rào cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- 8. Cách mạng tư sản nhằm củng cố quyền lực của quý tộc phong kiến và tăng lữ.

Bài tập 3. Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp về nhiệm vụ của cách mạng tư sản để hoàn thiện đoạn thông tin dưới đây.

Cách mạng tư sản bao gồm hai nhiệm vụ cơ bản: ... (1). Nhiệm vụ ... (2) nhằm xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến, phân tán về chính trị, chia cắt về lãnh thổ, hình thành... (3) thống nhất, hoặc... (4) dân tộc. Nhiệm vụ... (5) nhằm xoá bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập nền dân chủ ... (6). Mục tiêu và nhiệm vụ của các cuộc ... (7) dù diễn ra dưới hình thức nào, đều nhằm... (8) những rào cản kìm hãm sự phát triển của ... (9) tư bản chủ nghĩa, (10) cho sự thống trị của giai cấp... (11).

Bài tập 4. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp về giai cấp lãnh đạo, động lực của một số cuộc cách mạng tư sản.

Cột A	Cột B
1. Cách mạng Anh diễn ra dưới sự lãnh đạo của	a. thái độ lãnh đạo cách mạng của họ
2. Quyền lãnh đạo cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ thuộc về	b. giai cấp tư sản
3. Quyền lãnh đạo Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII thuộc về	c. quý tộc phong kiến tư sản hoá (quý tộc mới), chủ nô,...
4. Đồng minh của giai cấp tư sản trong cách mạng là	d. liên minh tư sản và chủ nô
5. Động lực của cách mạng tư sản là	e. giai cấp tư sản, quần chúng nhân dân
6. Sự trưởng thành của giai cấp tư sản có ảnh hưởng lớn đến	g. liên minh tư sản và quý tộc mới

Bài tập 5. Hãy lập và hoàn thành bảng tóm tắt nội dung chính về một số cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu trong các thế kỉ XVII – XVIII.

Tên cuộc cách mạng tư sản	Mục tiêu và nhiệm vụ	Giai cấp lãnh đạo	Động lực
Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII	?	?	?
Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ cuối thế kỉ XVIII	?	?	?
Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII	?	?	?

Bài tập 6. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc Anh ở Bắc Mỹ có thể coi là cuộc chiến tranh chính nghĩa không? Vì sao?

Bài tập 7. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 300 chữ) để làm rõ kết quả và ý nghĩa của một cuộc cách mạng tư sản thời cận đại mà em ấn tượng nhất.

BÀI 2

SỰ XÁC LẬP VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu từ 1 đến 11 dưới đây.

1. Ở châu Âu và Bắc Mỹ, chủ nghĩa tư bản được xác lập trong các thế kỉ
A. XVI – XIX. C. XVIII – XIX.
B. XVI – XVII. D. XV – XVI.
2. Ý nào đúng khi nói về các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại?
A. Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ nước Anh, cách mạng công nghiệp lan rộng ra các nước khác ở châu Âu.
B. Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ Hà Lan, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và thế giới.
C. Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ nước Anh, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và thế giới.
D. Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ Hà Lan, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và Bắc Mỹ.
3. Ý nào phản ánh đúng thời gian chủ nghĩa tư bản mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới?
A. Nửa sau thế kỉ XVIII. C. Nửa sau thế kỉ XX.
B. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. D. Nửa sau thế kỉ XXI.
4. Ý nào **không** phản ánh hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp?
A. Tạo ra những chuyển biến to lớn về kinh tế – xã hội, làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản.
B. Nâng cao năng suất lao động.
C. Khẳng định sự thắng lợi của chế độ phong kiến.
D. Thúc đẩy quá trình tìm kiếm thị trường, xâm lược thuộc địa.
5. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc vào thời gian nào?
A. Từ nửa sau thế kỉ XVII. C. Từ nửa sau thế kỉ XX.
B. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. D. Cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX.
6. Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về

Bài tập 2. Lựa chọn nội dung phù hợp điền vào chỗ trống (...) để hoàn thành sơ đồ về sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.



Bài tập 3. Hãy chọn từ hoặc cụm từ phù hợp để hoàn thiện đoạn thông tin dưới đây.

Thời kì xác lập chủ nghĩa tư bản là thời kì ... (1) của chủ nghĩa ... (2). Chủ nghĩa đế quốc được hình thành trong những năm ... (3). Trong khoảng ba thập kỉ cuối ... (4) việc sử dụng những nguồn năng lượng mới và sự tiến bộ về ... (5) đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ... (6) chủ nghĩa. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ... (7), quá trình... (8) gay gắt, làm cho những ... (9) bị phá sản, dẫn đến sự tập trung ... (10).

Bài tập 4. Quan sát Hình 7 kết hợp khai thác thông tin trong SGK (tr. 16), hãy cho biết: Quyền lực của các tổ chức độc quyền được thể hiện như thế nào?

Bài tập 5. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp về sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa đế quốc.

Cột A	Cột B
1. Tơ-rút là hình thức của tổ chức độc quyền phổ biến ở	a. châu Phi và châu Á
2. Các-ten và xanh-đi-ca là những hình thức tổ chức độc quyền phổ biến ở	b. các nước tư bản tiên tiến ở châu Âu, châu Mỹ và châu Á
3. Sự phát triển của tổ chức độc quyền đã tạo ra cơ sở cho bước chuyển của	c. chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền
4. Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, quá trình xâm lược thuộc địa của các nước đế quốc diễn ra mạnh mẽ ở	d. Pháp và Đức
5. Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các tổ chức độc quyền đã chi phối nền kinh tế ở	e. Mỹ
6. Chủ nghĩa tư bản hiện đại là một thuật ngữ chỉ một giai đoạn phát triển của	g. chủ nghĩa tư bản từ sau năm 1945 đến nay

Bài tập 6. Quan sát các hình dưới đây và tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo, internet, hãy viết một đoạn văn (khoảng 300 chữ) để làm rõ tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại.



Hình 1. Người biểu tình ở Niu Ốc (Mỹ) tham gia phong trào "Chiếm lấy phố Uôn" (2011)



Hình 2. Biểu tình chống biến đổi khí hậu ở Anh (2019)

Bài tập 7. Sử dụng thông tin trong SGK và tham khảo thông tin trên sách, báo, internet, hãy viết một đoạn văn (khoảng 300 chữ) để làm rõ nhận định: "Chủ nghĩa tư bản không phải là con đường phù hợp với sự phát triển của Việt Nam, có thể đem lại hạnh phúc cho toàn thể nhân dân Việt Nam hiện nay và mai sau".

BÀI 3

SỰ HÌNH THÀNH LIÊN BANG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ VIẾT

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 9 dưới đây.

1. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là
 - A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng nhà nước mới của những người lao động.
 - B. khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước.
 - C. ban hành Hiến pháp mới.
 - D. chống thù trong, giặc ngoài.
2. Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu được thành lập vào năm nào?
 - A. Năm 1918.
 - B. Năm 1917.
 - C. Năm 1919.
 - D. Năm 1922.
3. Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết là
 - A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Lit-va.
 - B. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
 - C. Nga, U-crai-na, Môn-đô-va và Lát-vi-a.
 - D. Nga, U-crai-na, Tuốc-mê-nix-tan và Ác-mê-ni-a.
4. Ý nào **không** phải là tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
 - A. Sự bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc.
 - B. Quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc.
 - C. Xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.
 - D. Sáp nhập các nước cộng hoà Xô viết và nước Nga.
5. Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào thời gian nào?
 - A. Tháng 3 – 1921.
 - B. Tháng 12 – 1922.
 - C. Tháng 3 – 1923.
 - D. Tháng 1 – 1924.

6. Ý nào **không** phải là ý nghĩa đối với trong nước của việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
- A. Mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô viết trên cơ sở bình đẳng và sự giúp đỡ nhau.
 - B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
 - C. Tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội của tất cả các nước Cộng hoà.
 - D. Khẳng định công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã hoàn thành.
7. Ý nào **không** phải là ý nghĩa quốc tế của việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
- A. Trở thành biểu tượng và là chỗ dựa tinh thần, vật chất to lớn cho phong trào cách mạng thế giới.
 - B. Cổ vũ, lôi cuốn mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc ở những nước thuộc địa.
 - C. Đưa đến sự hình thành trật tự thế giới mới.
 - D. Tạo tiền đề cho sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
8. Sau khi V. I. Lê-nin – vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết qua đời, ai là người tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên Xô?
- A. V. I. Xta-lin.
 - B. M. Goóc-ba-chốp.
 - C. N. Khrushchốp.
 - D. Brê-giơ-nhép.
9. Ý nào **không** phản ánh đúng nội dung của Hiến pháp Liên Xô năm 1924?
- A. Ghi nhận việc hợp tác trên cơ sở tự nguyện của các nước Cộng hoà Xô viết thành một nhà nước Liên bang.
 - B. Phân định các quyền của Liên bang và của các nước Cộng hoà.
 - C. Quy định cơ cấu tổ chức cơ quan Nhà nước tối cao Liên bang và các nước Cộng hoà.
 - D. Khẳng định quyền lực của Chính quyền Xô viết.

Bài tập 2. Khai thác tư liệu 1 và 2, kết hợp với những thông tin trong SGK, em hãy cho biết việc thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa có vị trí quan trọng như thế nào?

TƯ LIỆU 1. Tại Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, V. I. Lê-nin nhấn mạnh: “Và giờ đây, ở nước Nga, chúng ta cần phải đặt hết tâm trí vào việc xây dựng một Nhà nước vô sản xã hội chủ nghĩa”.

(Lê-nin: *Toàn tập*, Tập 35, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 3)

TỰ LIỆU 2. Từ thực tiễn cách mạng, V. I. Lê-nin khẳng định: “Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó khăn phức tạp hơn nhiều...”.

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 37, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 145)

Bài tập 3. Khai thác các tự liệu 3, 4, 5, em hãy:

- 3.1. Chỉ ra những cụm từ thể hiện ý nghĩa của việc thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
- 3.2. Phân tích ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

TỰ LIỆU 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: “Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản từ chỗ chỉ là một ước mơ cao đẹp của loài người, sau Cách mạng tháng Mười vĩ đại đã trở thành một hiện thực trong xã hội, có sức mạnh vô cùng to lớn, lôi cuốn hàng nghìn triệu người vào hành động cách mạng, vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 390)

TỰ LIỆU 4. Lê-nin khẳng định: “Chúng ta có quyền tự hào và quả thật chúng ta tự hào là đã có cái hân hạnh được bắt đầu việc xây dựng Nhà nước Xô viết, và do đó, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử thế giới...”.

(*Lê-nin: Toàn tập*, Tập 44, NXB Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, tr. 184)

TỰ LIỆU 5. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Giống như Mặt Trời chói lọi, Cách mạng tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu, hàng triệu người bị áp bức bóc lột trên Trái Đất đứng lên tự giải phóng... Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế”.

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1980, tr. 461)

Bài tập 4. Hiến pháp Liên Xô năm 1924 mô tả: Quốc huy Liên Xô (năm 1923) là biểu tượng quốc gia, bao gồm hình ảnh búa liềm trên quả địa cầu được vẽ trên nền những tia nắng mặt trời, xung quanh là những bông lúa mì, với dòng chữ “Giai cấp vô sản thế giới đoàn kết lại!” bằng sáu thứ tiếng: Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a, Gru-di-a, Ác-mê-ni-a, A-đéc-bai-dan.



4.1. Từ mô tả trên, kết hợp với khai thác thông tin trong SGK, hãy nêu nhận xét của em về Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

4.2. So sánh với Quốc huy Việt Nam và chỉ ra điểm giống nhau.

Bài tập 5. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh từ sách, báo và internet, hãy xây dựng một bài giới thiệu về sự thành lập Liên Xô (theo ý tưởng của em).

Bài tập 6. Theo kết quả cuộc khảo sát (năm 2021) của Trung tâm Nghiên cứu dư luận xã hội toàn Nga, khoảng 67% người được hỏi có mong muốn duy trì Liên Xô. Theo em, vì sao cho đến nay có nhiều người dân Nga vẫn tôn trọng và mong muốn gìn giữ những giá trị của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

BÀI 4

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một phương án đúng cho các câu từ 1 đến 9 dưới đây.

1. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở
 - A. Đông Âu, một số nước ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.
 - B. Đông Âu và một số nước châu Á.
 - C. một số nước châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.
 - D. một số nước Tây Âu, Đông Âu và khu vực Mỹ La-tinh.
2. Thành tựu nổi bật trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu từ năm 1949 đến giữa những năm 70 của thế kỉ XX là
 - A. từ những nước nghèo đã trở thành những nước công nghiệp mới (NICs).
 - B. tự phóng được vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo Trái Đất.
 - C. từ những nước nghèo đã trở thành các quốc gia công – nông nghiệp phát triển.
 - D. đi đầu về công nghiệp điện hạt nhân.
3. Sau khi cách mạng thắng lợi, một nhà nước mới ra đời ở Trung Quốc với tên là
 - A. Cộng hoà Trung Hoa.
 - B. Cộng hoà Dân chủ Trung Hoa.
 - C. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
 - D. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Trung Hoa.

4. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ năm nào?
- A. Năm 1976. C. Năm 1982.
B. Năm 1978. D. Năm 1986.
5. Từ khi thực hiện cải cách mở cửa (12 – 1978) đến nay, quy mô nền kinh tế Trung Quốc so với thế giới thay đổi như thế nào?
- A. Đứng vị trí thứ tám thế giới.
B. Đứng vị trí thứ năm thế giới.
C. Đứng vị trí thứ ba thế giới.
D. Đứng vị trí thứ hai thế giới.
6. Mốc thời gian nào đánh dấu sự chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô?
- A. Tháng 12 – 1989. C. Tháng 12 – 1990.
B. Tháng 12 – 1991. D. Tháng 12 – 1992.
7. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là gì?
- A. Do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; chậm đổi mới cơ chế quản lí;...
B. Tình trạng lạc hậu về khoa học – kĩ thuật, không theo kịp sự phát triển chung của thế giới.
C. Chậm tiến hành cải cách, sửa đổi và khi thực hiện cải cách lại mắc phải nhiều sai lầm.
D. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.
8. Ý nào **không** đúng về biện pháp cải cách về kinh tế mà Cu-ba thực hiện nhằm đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội?
- A. Thực hiện cải cách kinh tế từng bước, có chọn lọc.
B. Chủ trương xây dựng nền kinh tế tập trung do Nhà nước quản lí.
C. Chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng.
D. Chú trọng đến các ngành nghề mới như: công nghiệp du lịch, công nghệ sinh học, khai thác dầu khí,...
9. Ý nào **không** phải là thành tựu về khoa học – công nghệ của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc?
- A. Phóng tàu Thần Châu vào không gian.
B. Dẫn đầu thế giới về công nghệ điện hạt nhân.

- C. Xây dựng hệ thống định vị vệ tinh Bắc Đẩu.
- D. Phát triển mạnh hạ tầng kĩ thuật số, trung tâm dữ liệu hiện đại.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và giải thích ngắn gọn câu sai.

1. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh phát triển mạnh mẽ.
2. Sau khi Trung Quốc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, năm 1950, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được thành lập.
3. Sau khi Bức tường Béc-lin sụp đổ (1989), việc thống nhất nước Đức được thực hiện với sự sáp nhập Cộng hoà Dân chủ Đức vào Cộng hoà Liên bang Đức.
4. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bắt đầu có sự suy giảm.
5. Tháng 12 – 1991, Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã, chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 100 năm tồn tại.

Bài tập 3. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

3.1. Về sự thành lập của các nhà nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu.

Cột A	Cột B
1. Năm 1944	a. Cộng hoà Nhân dân Ru-ma-ni thành lập
	b. Cộng hoà Bun-ga-ri thành lập
2. Năm 1945	c. Cộng hoà Nhân dân An-ba-ni thành lập
	d. Liên bang Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Nam Tư thành lập
3. Năm 1946	e. Cộng hoà Nhân dân Ba Lan thành lập
	g. Cộng hoà Dân chủ Đức thành lập
4. Năm 1949	h. Cộng hoà Hung-ga-ri thành lập
	i. Cộng hoà Tiệp Khắc

3.2. Về các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu.

Cột A	Cột B
1. Từ năm 1945 đến năm 1949	a. Giai đoạn thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân
	b. Giai đoạn phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu
	c. Tiến hành cải cách ruộng đất
2. Từ năm 1949 đến giữa những năm 70	d. Quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của tư bản
	e. Thực hiện công nghiệp hoá, điện khí hoá toàn quốc, phát triển nông nghiệp,...
	g. Thực hiện các quyền tự do, dân chủ
	h. Trở thành những quốc gia có nền công nghiệp, nông nghiệp phát triển

Bài tập 4. Hãy lập và hoàn thành bảng những nét chính về sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Nội dung	Những nét chính
Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á	?
Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực Mỹ La-tinh	?

Bài tập 5.

5.1. Dựa vào kiến thức đã học và khai thác tư liệu dưới đây, hãy giải thích nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

TƯ LIỆU. Do duy trì quá lâu những khiếm khuyết của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, Đảng Cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo, chế độ xã hội đã thay đổi”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* trong Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 51, NXB Chính trị quốc gia, 1991, tr. 132)

5.2. Theo em trong những nguyên nhân trên, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Bài tập 6. Trình bày khái quát những nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

Bài tập 7. Khai thác thông tin dưới đây.

Thông tin: Về kinh tế, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Trung Quốc đã tăng từ 367,9 tỉ nhân dân tệ (1978) lên 82 700 tỉ nhân dân tệ (2017), quy mô kinh tế tăng gần 225 lần. Bình quân tăng trưởng hằng năm là 9,5%, vượt xa mức trung bình toàn cầu là 2,9%. Quy mô GDP của Trung Quốc từ chỗ đứng thứ tám thế giới (trong thập niên 1980), đã vươn lên vị trí thứ hai thế giới (năm 2010). Hiện nay, Trung Quốc được Ngân hàng Thế giới xếp vào nhóm quốc gia có thu nhập trung bình cao. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, tỉ lệ nghèo ở nông thôn Trung Quốc cũng giảm từ mức 96% (năm 1980) xuống chỉ còn 6% vào năm 2015.

Em hãy:

- 7.1. Chỉ ra một số thành tựu nổi bật của kinh tế Trung Quốc đạt được khi tiến hành công cuộc cải cách mở cửa.
- 7.2. Hãy nêu ý nghĩa của những thành tựu đó.

Bài tập 8. Sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã để lại những bài học gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

Bài tập 9. Nêu hành động cụ thể mà em có thể làm để đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

BÀI 5

QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC VÀ CẠI TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN Ở ĐÔNG NAM Á

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu từ 1 đến 12 dưới đây.

- Đến đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, ngoại trừ
 A. Phi-líp-pin. C. Xin-ga-po.
 B. Xiêm (Thái Lan). D. Miến Điện (Mi-an-ma).
- Thực dân phương Tây xâm lược Đông Nam Á trong bối cảnh nào dưới đây?
 A. Phần lớn các nước Đông Nam Á bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng.
 B. Tất cả các nước Đông Nam Á bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng.
 C. Các nước Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển thịnh đạt.
 D. Các nước Đông Nam Á có nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh.
- Ý nào **không** phải là nguyên nhân khiến Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây?
 A. Khu vực giàu tài nguyên.
 B. Có nguồn hương liệu và hàng hoá phong phú.
 C. Nằm trên tuyến đường biển huyết mạch.
 D. Cư dân có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ.
- Người lãnh đạo đội quân đánh thắng thực dân Tây Ban Nha (1521) ở Phi-líp-pin là ai?
 A. Đa-ga-hô. C. Hô-xê Ri-dan.
 B. La-pu-la-pu. D. Bô-ni-pha-xi-ô.
- Đến giữa thế kỉ XIX, In-đô-nê-xi-a đã trở thành thuộc địa của nước nào?
 A. Hà Lan. B. Bồ Đào Nha. C. Tây Ban Nha. D. Mỹ.

6. Đến đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ mà ngày nay là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây bị nước nào xâm chiếm?
- A. Hà Lan. B. Bồ Đào Nha. C. Tây Ban Nha. D. Anh.
7. Thực dân Pháp đã chiếm những quốc gia nào ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX?
- A. Phi-líp-pin, Bru-nây, Xin-ga-po. B. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
C. Xiêm (Thái Lan), In-đô-nê-xi-a. D. Ma-lai-xi-a, Miến Điện (Mi-an-ma).
8. Thực dân phương Tây sử dụng phương thức phổ biến nào để làm suy yếu khối đoàn kết dân tộc ở các nước Đông Nam Á?
- A. Chính sách “chia để trị”. B. Chính sách “đồng hoá văn hoá”.
C. Chính sách ngoại giao mềm dẻo. D. Chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.
9. Nội dung nào dưới đây là chính sách cai trị của thực dân phương Tây về văn hoá – xã hội ở Đông Nam Á?
- A. Vận động xoá bỏ những tập tục lạc hậu.
B. Mở trường học, xoá nạn mù chữ cho nhân dân thuộc địa.
C. Nghiêm cấm các tệ nạn xã hội như: rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan.
D. Kim hãm người dân thuộc địa trong tình trạng lạc hậu, nghèo đói.
10. Điểm chung trong chính sách cai trị về chính trị của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á là gì?
- A. Vấn duy trì các thế lực phong kiến địa phương như một công cụ để thi hành chính sách cai trị.
B. Chỉ có đại diện chính quyền thực dân mới được thi hành chính sách cai trị.
C. Sử dụng quân đội từ chính quốc để bảo vệ bộ máy cai trị thực dân.
D. Thiết lập nền thống trị bằng hình thức giống nhau.
11. Ý nào không phải là chính sách cai trị về kinh tế của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á?
- A. Chú trọng mở mang các ngành công nghiệp nặng.
B. Thi hành chính sách thuế khoá nặng nề.
C. Cướp ruộng đất để lập đồn điền, bóc lột sức người.
D. Khai thác triệt để tài nguyên, sản phẩm nông nghiệp.

12. Từ năm 1868, Xiêm đã tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng dưới thời vua nào?

A. Ra-ma IV.

C. Ra-ma V.

B. Ra-ma III.

D. Ra-ma I.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về quá trình xâm lược, cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á và giải thích ngắn gọn câu sai.

1. Trong khi hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, chỉ có Xiêm là nước giữ được nền độc lập hoàn toàn.
2. Sự kiện mở đầu cho quá trình xâm lược và thống trị kéo dài nhiều thế kỉ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á đó là thực dân Bồ Đào Nha tấn công xâm lược Ma-lắc-ca vào năm 1511.
3. Giữa thế kỉ XVI, thực dân Tây Ban Nha xâm lược và thống trị In-đô-nê-xi-a.
4. Đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ ngày nay của Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây đều rơi vào tay người Anh.
5. Thực dân Anh sau hơn 60 năm mới chiếm được Miến Điện (Mi-an-ma), thực dân Pháp sau 26 năm (1858 – 1884) mới hoàn thành việc xâm chiếm ba nước Đông Dương.
6. Hải quân Anh tiến vào hải cảng ở Y-an-gun, mở đầu xâm lược Miến Điện vào năm 1824.
7. Để bảo vệ độc lập, Chính phủ Xiêm kí các hiệp ước với nội dung đồng ý cắt một số vùng lãnh thổ thuộc ảnh hưởng của Xiêm ở Lào, Cam-pu-chia cho Pháp (1907) và ở Mã Lai cho Anh (1909).

Bài tập 3. Ghép mốc thời gian ở cột A với nội dung lịch sử ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A
1. Sau năm 1898
2. Giữa thế kỉ XIX
3. Đầu thế kỉ XX
4. 1824 – 1885
5. 1858 – 1893

Cột B
a. Toàn bộ vùng lãnh thổ ngày nay của Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây rơi vào tay người Anh
b. Thực dân Pháp hoàn thành việc xâm chiếm ba nước Đông Dương
c. Thực dân Anh tiến hành ba cuộc chiến tranh mới chiếm được Miến Điện (Mi-an-ma)
d. Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của Mỹ
e. Hà Lan hoàn thành việc kiểm soát In-đô-nê-xi-a

Bài tập 4. Khai thác tư liệu 1, 2 và các hình sau.

TƯ LIỆU 1. Điểm chung của chính sách thống trị thực dân ở Đông Nam Á là khai thác, vơ vét và bòn rút các quốc gia trong khu vực bằng chính sách thuế khoá đánh vào các tầng lớp nhân dân bản địa, cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; thông qua khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài trong công nghiệp... Vì vậy, cao su, cà phê, chè, lúa gạo là những sản vật đặc trưng của Đông Nam Á được thực dân phương Tây chú ý khai thác từ sớm.

(Lương Ninh (Chủ biên), *Đông Nam Á: Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr. 377)

TƯ LIỆU 2. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo chính sách thống trị của thực dân Pháp: “Một bên là những người bản xứ,... họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài: họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trắng tráo trong cảnh đói nát và nghèo khổ của nhân dân”.

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 12)



Hình 1. Tình cảnh người dân In-đô-nê-xi-a dưới ách thống trị của thực dân Hà Lan



Hình 2. Tình cảnh người dân thuộc địa dưới ách cai trị của thực dân (tranh biếm hoạ)

Em hãy:

- 4.1. Chỉ ra những cụm từ thể hiện chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á.
- 4.2. Theo em, chính sách cai trị của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á đã tác động như thế nào đến các nước trong khu vực?

Bài tập 5. Hãy lập và hoàn thành bảng hệ thống về chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á.

Chính sách về chính trị	Chính sách về kinh tế	Chính sách về văn hoá – xã hội
?	?	?

Bài tập 6. Quan sát hình bên, em hãy:

6.1. Giới thiệu một số nét chính về nhân vật trong hình.

6.2. Em hãy đánh giá vai trò của nhân vật này đối với lịch sử nước Xiêm vào giữa thế kỉ XIX.



Hình 3. Tượng vua Ra-ma V

Bài tập 7. Qua việc tìm hiểu, sưu tầm tài liệu từ sách, báo và internet về chính sách cai trị của thực dân phương Tây đối với các nước Đông Nam Á, hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về đời sống của nhân dân các nước Đông Nam Á dưới sự cai trị của thực dân phương Tây.

Bài tập 8. Có ý kiến cho rằng: “Công cuộc cải cách của Xiêm chính là một trong những con đường ứng phó hiệu quả với làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Qua việc tìm hiểu về công cuộc cải cách ở Xiêm vào giữa thế kỉ XIX, em hãy chứng minh cho quan điểm của mình.

BÀI 6

HÀNH TRÌNH ĐI ĐẾN ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ĐÔNG NAM Á

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 13 dưới đây.

- Cuộc khởi nghĩa kéo dài nhất (1744 – 1829) trong cuộc đấu tranh chống thực dân Tây Ban Nha ở Phi-líp-pin là
 - cuộc khởi nghĩa của Bô-ni-pha-xi-ô.
 - cuộc khởi nghĩa của Đa-ga-hô.
 - cuộc khởi nghĩa của La-pu-la-pu.
 - cuộc khởi nghĩa của Hô-xê Ri-dan.

2. Từ năm 1858, cuộc chiến đấu chống xâm lược của nhân dân Việt Nam đã làm thất bại kế hoạch nào của thực dân Pháp?
- A. Kế hoạch đánh lâu dài.
 - B. Kế hoạch phá vây, mở rộng đánh chiếm.
 - C. Kế hoạch "chinh phục từng góí nhỏ".
 - D. Kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh".
3. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Cam-pu-chia trong những năm 1861 – 1892 là
- A. A-cha Xoa.
 - B. Pu-côm-bô.
 - C. Com-ma-đam.
 - D. Hoàng thân Si-vô-tha.
4. Cuộc khởi nghĩa nào của Cam-pu-chia thể hiện của sự đoàn kết chiến đấu giữa Cam-pu-chia với Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp?
- A. Cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa.
 - B. Cuộc khởi nghĩa của Com-ma-đam.
 - C. Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô.
 - D. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha.
5. Nước nào dưới đây tuyên bố độc lập sớm nhất ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. In-đô-nê-xi-a.
 - B. Miến Điện.
 - C. Bru-nây.
 - D. Việt Nam.
6. Năm 1945, ba nước ở Đông Nam Á lần lượt tuyên bố độc lập là
- A. Việt Nam, Phi-líp-pin, Lào.
 - B. Phi-líp-pin, Lào, Việt Nam.
 - C. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
 - D. Miến Điện, Lào, Việt Nam.
7. Nội dung nào **không** phản ánh đúng nét mới trong cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945?
- A. Phong trào theo xu hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.
 - B. Phong trào đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến phát triển mạnh.
 - C. Giai cấp vô sản bước lên vũ đài chính trị.
 - D. Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh – xu hướng vô sản.
8. Biến đổi lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là
- A. từ thân phận là nước thuộc địa, các nước đã trở thành quốc gia độc lập tự chủ.

- B. nhiều nước đạt tốc độ tăng trưởng cao, trở thành nước công nghiệp.
 C. thành lập và mở rộng hiệp hội khu vực ASEAN.
 D. trở thành khu vực hoà bình, hợp tác và hữu nghị.
9. Trong giai đoạn đầu sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á đã thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nào?
 A. Chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu.
 B. Chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu.
 C. Chiến lược hiện đại hoá nông nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu.
 D. Chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
10. Năm nước thành viên ban đầu sáng lập tổ chức ASEAN bao gồm
 A. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a.
 B. Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Bru-nây.
 C. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
 D. Bru-nây, Thái Lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
11. Hiện nay, tổ chức ASEAN có bao nhiêu nước thành viên?
 A. 5 thành viên. C. 9 thành viên.
 B. 7 thành viên. D. 10 thành viên.
12. Hiện nay, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là nền kinh tế
 A. lớn thứ tư thế giới với GDP đạt khoảng 3 500 tỉ USD (2018).
 B. lớn thứ năm thế giới với GDP đạt khoảng 3 000 tỉ USD (2018).
 C. lớn thứ năm thế giới với GDP đạt khoảng 3 500 tỉ USD (2018).
 D. lớn thứ sáu thế giới với GDP đạt khoảng 3 000 tỉ USD (2018).
13. Quốc gia ở Đông Nam Á đã trở thành "con rồng" kinh tế của châu Á là
 A. Ma-lai-xi-a. C. Phi-líp-pin.
 B. In-đô-nê-xi-a. D. Xin-ga-po.

Bài tập 2. Hãy lập và hoàn thành bảng các giai đoạn phát triển chính của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1975.

Từ cuối thế kỉ XIX đến đầu năm 1920	Từ 1920 – 1945	Từ 1945 – 1975
?	?	?

Bài tập 3. Quan sát hình bên, em hãy:

- 3.1.** Cho biết đây là biểu tượng của tổ chức nào ở khu vực Đông Nam Á? Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của tổ chức này là gì?



Hình 1.

- 3.2.** Ghép hình ảnh Quốc kì của các nước với mốc thời gian phù hợp để hoàn thiện nội dung về quá trình gia nhập ASEAN của các nước Đông Nam Á.



1. Bru-nây



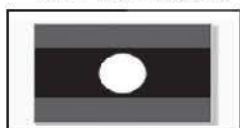
2. Cam-pu chia



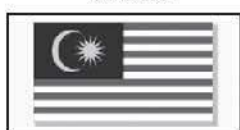
3. Đông Ti-mo



4. In-đô-nê-xi-a



5. Lào



6. Ma-lai-xi-a

a. Ngày 8 – 8 – 1967

b. Ngày 7 – 1 – 1984

c. Ngày 28 – 7 – 1995

d. Ngày 23 – 7 – 1997

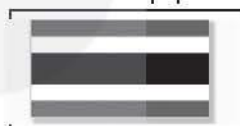
e. Ngày 30 – 4 – 1999



7. Mi-an-ma



8. Phi-líp-pin



9. Thái Lan



10. Việt Nam



11. Xin-ga-po

Bài tập 4. Quan sát hình bên, em hãy:

4.1. Giới thiệu một số nét chính về nhân vật trong hình.

4.2. Cho biết vai trò của nhân vật này trong phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.



Hình 2. Hoàng tử
Đi-pô-nê-gô-rô (tranh vẽ)

Bài tập 5. Tìm hiểu, sưu tầm thông tin từ sách, báo và internet về quá trình tái thiết và phát triển của các nước Đông Nam Á sau khi giành được độc lập, hãy viết một đoạn văn ngắn chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của em về sự nỗ lực vươn lên của các nước Đông Nam Á.

Bài tập 6. Có ý kiến cho rằng: Sự thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến chính trị, kinh tế, văn hoá của các nước Đông Nam Á, nhưng bên cạnh đó cũng tạo ra những chuyển biến nhất định đến quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở.

Em có đồng ý với ý kiến trên không? Hãy lấy ví dụ để chứng minh cho quan điểm của em.

ĐỀ MINH HOẠ SỐ 1

Thời gian làm bài: 60 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước ý trả lời đúng.

- Ở châu Âu và châu Mỹ, chủ nghĩa tư bản được xác lập trong các thế kỉ
A. XVI – XIX. C. XVIII – XIX.
B. XVI – XVII. D. XV – XVI.
- Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc vào thời gian nào?
A. Từ nửa sau thế kỉ XVII. C. Từ nửa sau thế kỉ XX.
B. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. D. Cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX.
- Khi mới thành lập, Liên Xô gồm 4 nước Cộng hoà Xô viết là
A. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Lit-va.
B. Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.
C. Nga, U-crai-na, Môn-đô-va và Lát-vi-a.
D. Nga, U-crai-na, Tuốc-mê-nix-tan và Ác-mê-ni-a.
- Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào thời gian nào?
A. Tháng 3 – 1921. C. Tháng 3 – 1923.
B. Tháng 12 – 1922. D. Tháng 1 – 1924.
- Sau khi cách mạng thắng lợi, một Nhà nước mới ra đời ở Trung Quốc với tên là
A. Cộng hoà Trung Hoa. C. Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.
B. Cộng hoà Dân chủ Trung Hoa. D. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Trung Hoa.
- Mốc đánh dấu sự chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô là
A. Tháng 12 – 1989. C. Tháng 12 – 1990.
B. Tháng 12 – 1991. D. Tháng 12 – 1992.
- Người lãnh đạo đội quân đánh thắng thực dân Tây Ban Nha (1521) ở Phi-líp-pin là ai?
A. Đa-ga-hô. C. Hô-xê Ri-dan.
B. La-pu-la-pu. D. Bô-ni-pha-xi-ô.
- Đến đầu thế kỉ XX, toàn bộ vùng lãnh thổ mà ngày nay là Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Bru-nây đã rơi vào tay của nước nào?
A. Hà Lan. B. Bồ Đào Nha. C. Tây Ban Nha. D. Anh.

9. Nước nào dưới đây tuyên bố độc lập sớm nhất ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?
- A. In-đô-nê-xi-a. C. Bru-nây.
B. Miến Điện. D. Việt Nam.
10. Năm nước thành viên ban đầu sáng lập tổ chức ASEAN bao gồm:
- A. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a.
B. Mi-an-ma, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Bru-nây.
C. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
D. Bru-nây, Thái Lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
11. Cách mạng tư sản là
- A. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá lãnh đạo.
B. cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo.
C. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân lãnh đạo.
D. cuộc cách mạng do liên minh giữa giai cấp tư sản và nông dân lãnh đạo.
12. Ý nào đúng khi nói về tiền đề đưa đến sự bùng nổ của cách mạng tư sản?
- A. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị và triết học chín muồi.
B. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng, chính trị chín muồi.
C. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về kinh tế, xã hội, tư tưởng chín muồi.
D. Cách mạng tư sản chỉ có thể xảy ra khi các tiền đề về xã hội, tư tưởng và chính trị chín muồi.
13. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng nền kinh tế của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ trước khi chiến tranh với chính quốc Anh bùng nổ?
- A. Nền kinh tế của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ phát triển ngang bằng với chính quốc.
B. Không có quyền tự do buôn bán với các nước, phải thông qua chính quốc.
C. Sản xuất trong các công trường thủ công phát triển, nhiều trung tâm công nghiệp hình thành ở miền Bắc, miền Trung.
D. Phải nộp nhiều loại thuế khác nhau cho chính quốc.
14. Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII?
- A. Cách mạng tư sản Anh có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người trong buổi đầu chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.
B. Cách mạng tư sản Anh thắng lợi đã đặt dấu mốc cho sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Anh.

- C. Cách mạng tư sản Anh đã lật đổ chế độ phong kiến.
D. Cách mạng tư sản Anh được ví như "cái chổi khổng lồ" quét sạch mọi rác rưởi của chế độ phong kiến.
15. Ý nào đúng khi nói về các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại?
- A. Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ nước Anh, cách mạng công nghiệp lan rộng ra các nước khác ở châu Âu.
B. Từ thập kỉ 80 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ Hà Lan, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và thế giới.
C. Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ nước Anh, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và thế giới.
D. Từ thập kỉ 60 của thế kỉ XVIII, khởi đầu từ Hà Lan, cách mạng công nghiệp lan rộng ra châu Âu và Bắc Mỹ.
16. Trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, sự phát triển nhanh chóng của chủ nghĩa tư bản kéo theo nhu cầu ngày càng cao về
- A. than đá và điện. C. nguyên liệu và nhân công.
B. hương liệu và vàng bạc. D. hàng hoá xa xỉ.
17. Ý nào phản ánh đúng về hệ thống thuộc địa của đế quốc Anh?
- A. "Mặt Trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh".
B. Châu Á là nơi đế quốc Anh có nhiều thuộc địa nhất.
C. Châu Phi là nơi đế quốc Anh có ít thuộc địa nhất.
D. Đế quốc Anh có nhiều thuộc địa ở khu vực Mỹ La-tinh.
18. Cuộc Duy tân Minh Trị đã
- A. đặt nền móng cho xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Nhật Bản.
B. đưa Nhật Bản mở rộng ảnh hưởng sang châu Âu và châu Phi.
C. đưa Nhật Bản từ một nước phong kiến trở thành một nước tư bản chủ nghĩa.
D. giúp Nhật Bản đạt được nhiều tiến bộ về nghiên cứu hải dương.
19. Ý nào phản ánh đúng về các tổ chức độc quyền ở các nước Anh, Pháp, Mỹ những năm đầu thế kỉ XX?
- A. Chiếm khoảng 1% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng chiếm gần một nửa tổng số sản phẩm làm ra.
B. Chiếm khoảng 50% tổng số xí nghiệp toàn thế giới nhưng chiếm 3/4 tổng số sản phẩm làm ra.
C. Chiếm 3/4 tổng số máy hơi nước và động cơ điện nhưng chiếm gần một nửa tổng số sản phẩm làm ra của châu Âu và Bắc Mỹ.
D. Chiếm khoảng 50% tổng số xí nghiệp toàn châu Âu và Bắc Mỹ nhưng chiếm 3/4 tổng số sản phẩm làm ra.

20. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, nhiệm vụ hàng đầu của Chính quyền Xô viết là
- A. đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng Nhà nước mới của những người lao động.
 - B. khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước.
 - C. ban hành hiến pháp mới.
 - D. chống thù trong, giặc ngoài.
21. Ý nào **không** phản ánh đúng nội dung của Hiến pháp Liên Xô năm 1924?
- A. Ghi nhận việc hợp tác trên cơ sở tự nguyện của các nước Cộng hoà Xô viết thành một nhà nước Liên bang.
 - B. Phân định các quyền của Liên bang và của các nước Cộng hoà.
 - C. Quy định cơ cấu tổ chức cơ quan Nhà nước tối cao Liên bang và các nước Cộng hoà.
 - D. Khẳng định quyền lực của Chính quyền Xô viết.
22. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là gì?
- A. Do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; chậm đổi mới cơ chế quản lí;...
 - B. Tình trạng lạc hậu về khoa học – kĩ thuật, không theo kịp sự phát triển chung của thế giới.
 - C. Chậm tiến hành cải cách, sửa đổi và khi thực hiện cải cách lại mắc phải nhiều sai lầm.
 - D. Sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước.
23. Thực dân phương Tây sử dụng phương thức phổ biến nào để làm suy yếu khối đoàn kết dân tộc ở các nước Đông Nam Á?
- A. Chính sách “chia để trị”.
 - B. Chính sách “đồng hoá văn hoá”.
 - C. Chính sách ngoại giao mềm dẻo.
 - D. Chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.
24. Nội dung nào **không** phản ánh đúng nét mới trong cuộc đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945?
- A. Phong trào theo xu hướng tư sản thay thế phong trào theo ý thức hệ phong kiến.
 - B. Phong trào đấu tranh theo ý thức hệ phong kiến phát triển mạnh.

- C. Giai cấp vô sản bước lên vũ đài chính trị.
- D. Xuất hiện xu hướng mới trong phong trào đấu tranh – xu hướng vô sản.

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Sự thống trị của chủ nghĩa thực dân phương Tây đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến chính trị, kinh tế, văn hoá của các nước Đông Nam Á, nhưng bên cạnh đó cũng tạo ra những chuyển biến nhất định đến quá trình phát triển của một số nước Đông Nam Á về hạ tầng cơ sở.

Em có đồng ý với ý kiến này không? Hãy lấy ví dụ để chứng minh cho quan điểm của em.

Câu 2 (2,0 điểm)

Phân tích tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Lấy ví dụ chứng minh.

ĐỀ MINH HOẠ SỐ 2

Thời gian làm bài: 60 phút

I. PHÂN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước câu trả lời đúng.

1. Ý nào phản ánh đúng thời gian chủ nghĩa tư bản mở rộng phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới?
 - A. Nửa sau thế kỉ XVIII.
 - B. Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX.
 - C. Nửa sau thế kỉ XX.
 - D. Nửa sau thế kỉ XXI.
2. Chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu được thành lập vào năm nào?
 - A. Năm 1918.
 - B. Năm 1917.
 - C. Năm 1919.
 - D. Năm 1922.
3. Sau khi V. I. Lê-nin – vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết qua đời, ai là người tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên Xô?
 - A. V. I. Xta-lin.
 - B. M. Goóc-ba-chốp.
 - C. N. Khrư-rút-xốp.
 - D. Brê-giơ-nhép.
4. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội được mở rộng ở
 - A. Đông Âu, một số nước ở châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.
 - B. Đông Âu và một số nước châu Á.

- C. một số nước châu Á và khu vực Mỹ La-tinh.
D. một số nước Tây Âu, Đông Âu và khu vực Mỹ La-tinh.
5. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam bắt đầu từ năm nào?
A. Năm 1976. C. Năm 1982.
B. Năm 1978. D. Năm 1986.
6. Từ khi thực hiện cải cách mở cửa (12 – 1978) đến nay quy mô nền kinh tế Trung Quốc thay đổi như thế nào?
A. Đứng vị trí thứ tám thế giới. C. Đứng vị trí thứ ba thế giới.
B. Đứng vị trí thứ năm thế giới. D. Đứng vị trí thứ hai thế giới.
7. Đến đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây, ngoại trừ
A. Phi-líp-pin. C. Xin-ga-po.
B. Xiêm (Thái Lan). D. Miến Điện (Mi-an-ma).
8. Nửa cuối thế kỉ XIX, nhiệm vụ cấp thiết đặt ra cho nước Đức và I-ta-li-a là gì?
A. Thoát khỏi ách thống trị của nước ngoài.
B. Thành lập chính quyền của giai cấp tư sản.
C. Xoá bỏ tình trạng phân tán về chính trị, thống nhất đất nước.
D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
9. Đến giữa thế kỉ XIX, In-đô-nê-xi-a đã trở thành thuộc địa của nước nào?
A. Hà Lan. B. Bồ Đào Nha. C. Tây Ban Nha. D. Mỹ.
10. Thực dân Pháp đã chiếm những quốc gia nào ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX?
A. Phi-líp-pin, Bru-nây, Xin-ga-po. C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
B. Xiêm (Thái Lan), In-đô-nê-xi-a. D. Ma-lai-xi-a, Miến Điện (Mi-an-ma).
11. Cuộc cách mạng tư sản nhằm
A. thiết lập hình thái Nhà nước vô sản và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
B. thiết lập hình thái Nhà nước tư sản và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
C. thiết lập hình thái Nhà nước vô sản và mở đường cho chủ nghĩa xã hội phát triển.
D. thiết lập hình thái Nhà nước quân chủ lập hiến và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
12. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng kinh tế nước Anh trước khi cách mạng tư sản bùng nổ?

- A. Nội thương và ngoại thương nước Anh phát triển rất mạnh mẽ.
 - B. Quan hệ tiền tệ đã thâm nhập vào nông thôn nước Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và cách thức kinh doanh.
 - C. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Anh đã phát triển cả trong công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp.
 - D. Nền sản xuất nước Anh đã sử dụng máy móc và máy hơi nước.
13. Ý nào **không** phản ánh đúng tình trạng kinh tế nước Pháp trước khi cách mạng tư sản bùng nổ?
- A. Nền kinh tế Pháp ở thế kỉ XVIII đã phát triển khá mạnh, nhất là về công nghiệp và thương nghiệp.
 - B. Mậu dịch nước Pháp rất phát triển, nước Pháp chiếm một nửa số tiền tệ của toàn châu Âu.
 - C. Nông nghiệp nước Pháp phát triển mạnh theo hướng sản xuất tư bản chủ nghĩa, hỗ trợ cho công nghiệp.
 - D. Máy hơi nước và máy móc đã xuất hiện ở Pháp, nhưng chưa được áp dụng phổ biến.
14. Ý **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là gì?
- A. Giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh khỏi ách thống trị của thực dân.
 - B. Đưa đến sự thành lập của nhà nước tư sản đầu tiên ở ngoài châu Âu.
 - C. Thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập ở nhiều nước trên thế giới.
 - D. Là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất trong lịch sử.
15. Ý nào **không** phản ánh hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp?
- A. Tạo ra những chuyển biến to lớn về kinh tế – xã hội, làm thay đổi bộ mặt của các nước tư bản.
 - B. Nâng cao năng suất lao động.
 - C. Khẳng định sự thắng lợi của chế độ phong kiến.
 - D. Thúc đẩy quá trình tìm kiếm thị trường, xâm lược thuộc địa.
16. Ý nào phản ánh đúng về thời gian mở rộng của chủ nghĩa tư bản ở châu Mỹ?
- | | |
|------------------------|--------------------------|
| A. Nửa đầu thế kỉ XX. | C. Nửa đầu thế kỉ XIX. |
| B. Nửa đầu thế kỉ XXI. | D. Nửa đầu thế kỉ XVIII. |
17. Ý nào **không** đúng khi nói về kết quả của cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911?
- A. lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế.
 - B. Giúp Trung Quốc tránh được nguy cơ bị xâm lược từ các cường quốc thực dân phương Tây.

- C. Đã không thực sự thủ tiêu giai cấp phong kiến.
 - D. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.
18. Biểu hiện quan trọng nhất của sự xuất hiện chủ nghĩa đế quốc là
- A. xuất hiện giai cấp tư sản và vô sản.
 - B. sự ra đời của các tổ chức độc quyền.
 - C. chiến tranh đế quốc nhằm phân chia thuộc địa.
 - D. mâu thuẫn xã hội gay gắt.
19. Ý nào **không** phải là tư tưởng chỉ đạo của Lê-nin trong việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
- A. Sự bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc.
 - B. Quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc.
 - C. Xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc.
 - D. Sáp nhập các nước cộng hoà Xô viết và nước Nga.
20. Ý nào **không** phải là ý nghĩa đối với trong nước của việc thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?
- A. Mở ra con đường giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên đất nước Xô viết trên cơ sở bình đẳng và sự giúp đỡ nhau.
 - B. Phù hợp với lợi ích chung của các dân tộc trên đất nước Xô viết.
 - C. Tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, xã hội của tất cả các nước cộng hoà.
 - D. Khẳng định công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã hoàn thành.
21. Ý nào **không** đúng về biện pháp cải cách về kinh tế mà Cu-ba thực hiện nhằm đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội?
- A. Thực hiện cải cách kinh tế từng bước, có chọn lọc.
 - B. Chủ trương xây dựng nền kinh tế tập trung do Nhà nước quản lí.
 - C. Chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng.
 - D. Chú trọng đến các ngành nghề mới như: công nghiệp du lịch, công nghệ sinh học, khai thác dầu khí,...
22. Ý nào **không** phải là nguyên nhân khiến Đông Nam Á hải đảo là đối tượng đầu tiên thu hút sự chú ý của thực dân phương Tây?
- A. Khu vực giàu tài nguyên.
 - B. Có nguồn hương liệu và hàng hoá phong phú.
 - C. Nằm trên tuyến đường biển huyết mạch.

- D. Cư dân có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ.
23. Điểm chung trong chính sách cai trị về chính trị của các nước thực dân phương Tây ở Đông Nam Á là gì?
- A. Vẫn duy trì các thể lực phong kiến địa phương như một công cụ để thi hành chính sách cai trị.
- B. Chỉ có đại diện chính quyền thực dân mới được thi hành chính sách cai trị.
- C. Sử dụng quân đội từ chính quốc để bảo vệ bộ máy cai trị thực dân.
- D. Thiết lập nền thống trị bằng hình thức giống nhau.
24. Trong giai đoạn đầu sau khi giành độc lập, các nước Đông Nam Á đã thực hiện chiến lược phát triển kinh tế nào?
- A. Chiến lược công nghiệp hoá thay thế nhập khẩu.
- B. Chiến lược công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu.
- C. Chiến lược hiện đại hoá nông nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. Chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

- 1.1. Dựa vào kiến thức đã học và khai thác tư liệu dưới đây, hãy giải thích nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

TƯ LIỆU. Do duy trì quá lâu những khiếm khuyết của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, Đảng Cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo, chế độ xã hội đã thay đổi”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, NXB Chính trị quốc gia, 1991, tr. 132).

- 1.2. Theo em trong những nguyên nhân trên, nguyên nhân nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Câu 2 (1,0 điểm)

Sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã để lại những bài học gì đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay?

**Chủ đề 4 CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH
GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM
(TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)**

BÀI 7

**KHÁI QUÁT VỀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ
TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 10 dưới đây.

- Năm 1077, quân và dân Đại Việt dưới sự lãnh đạo của Lý Thường Kiệt đã đánh bại quân Tống tại đâu?
A. Kinh thành Thăng Long.
B. Biên giới Việt – Trung.
C. Phòng tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh).
D. Thành Cổ Loa (Hà Nội).
- Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, quân dân Đại Việt phải chống lại các cuộc xâm lược của đội quân nào?
A. Tống, Mông – Nguyên, Thanh.
B. Tống, Mông – Nguyên, Minh.
C. Tống, Nguyên, Thanh.
D. Tống, Minh, Thanh.
- Những trận đánh lớn trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên là
A. Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Bạch Đằng.
B. Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng – Xương Giang.
C. Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang.
D. Rạch Gầm – Xoài Mút, Ngọc Hồi – Đống Đa.
- Chiến thắng nào đã chấm dứt hoàn toàn tham vọng xâm chiếm Đại Việt của nhà Nguyên năm 1288?
A. Đông Bộ Đầu.
B. Vạn Kiếp.
C. Vân Đồn.
D. Bạch Đằng.

5. “*Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng*”
Hai câu thơ trên nói về cuộc kháng chiến nào?
- Kháng chiến chống quân Tống.
 - Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
 - Kháng chiến chống quân Xiêm.
 - Kháng chiến chống quân Thanh.
6. Câu nói của Trần Quốc Tuấn: “*Vừa rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, nhưng vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt...*” nói về điều gì?
- Phát huy truyền thống yêu nước trong đánh giặc, giữ nước.
 - Kết hợp giữa truyền thống yêu nước với truyền thống lao động sản xuất.
 - Bài học phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chiến tranh giữ nước.
 - Chiến thuật bao vây tiêu diệt quân giặc có thể vận dụng về sau.
7. Trận đánh quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Xiêm là
- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| A. Tốt Động – Chúc Động. | C. Chi Lăng – Xương Giang. |
| B. Rạch Gầm – Xoài Mút. | D. Ngọc Hồi – Đống Đa. |
8. Trận đánh quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh là
- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| A. Tốt Động – Chúc Động. | C. Chi Lăng – Xương Giang. |
| B. Rạch Gầm – Xoài Mút. | D. Ngọc Hồi – Đống Đa. |
9. Ý nào **không** phản ánh đúng đặc điểm chung của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi của dân tộc trước năm 1858?
- Đều chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc.
 - Đều kết thúc bằng một trận quyết chiến chiến lược, đập tan ý đồ xâm lược của kẻ thù.
 - Đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa, bảo vệ độc lập của dân tộc.
 - Nhân đạo, hoà hiếu đối với kẻ xâm lược bại trận là một trong những nét nổi bật.
10. Ý nào **không** phản ánh chính xác nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử?
- Các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.
 - Nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn và đoàn kết.

- C. Do quân giặc chủ động rút quân về nước.
- D. Kế sách đánh giặc của quân và dân Việt Nam đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về các cuộc kháng chiến trong lịch sử Việt Nam và giải thích ngắn gọn câu sai.

1. Việt Nam thuộc khu vực Đông Nam Á – khu vực nằm trên trục đường giao thông quan trọng kết nối châu Á và châu Đại Dương, Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên trong suốt tiến trình lịch sử, Việt Nam luôn phải đối phó với nhiều thế lực ngoại xâm.
2. Trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077), Triều Lý đã thực hiện kế sách "vườn không nhà trống", sau đó chủ động tập kích vào các căn cứ Khâm Châu, Liêm Châu, Ung Châu (Trung Quốc).
3. Câu thơ: *Đằng Giang tự cổ huyết do hồng (Sông Bạch Đằng xưa máu vẫn còn loang đỏ)* gợi lại việc ba lần đánh bại quân xâm lược phương Bắc trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.
4. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258, nhà Trần đã tổ chức Hội nghị Bình Than triệu tập vương hầu, quý tộc, tướng lĩnh để bàn kế sách đánh giặc.
5. Quang Trung đã vận dụng nghệ thuật "đánh nhanh, thắng nhanh" một cách chủ động và đánh tan hàng chục vạn quân Thanh xâm lược chỉ trong thời gian ngắn.
6. Những người lãnh đạo, chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm là: Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Lê Hoàn, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Chu Văn An, Nguyễn Huệ,...
7. Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, có một số cuộc kháng chiến không thành công.

Bài tập 3. Điền từ hoặc cụm từ vào chỗ trống (...) trong các đoạn văn sau cho phù hợp về vai trò, ý nghĩa của các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có vai trò quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của những cuộc kháng chiến góp phần bảo vệ vững chắc nền ... (1), giữ gìn ... (2) và tạo điều kiện thuận lợi cho ... (3).

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc còn có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành và nâng cao lòng ... (4), ... (5) và tô đậm những ... (6) của dân tộc, đồng thời để lại nhiều ... (7) sâu sắc.

Bài tập 4. Khai thác tư liệu 1 và 2 dưới đây, hãy chỉ ra điểm chung của hai tư liệu.

TƯ LIỆU 1. Trần Quốc Tuấn đã tổng kết nguyên nhân thắng lợi: “vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt...”.

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 79)

TƯ LIỆU 2. Khi họp bàn về kế sách chống giặc Minh, Hồ Nguyên Trừng nói: “Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo mà thôi”.

(Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Sđd, tr. 211)

Bài tập 5. Hãy lập và hoàn thành bảng tóm tắt nội dung chính của một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

STT	Thời gian	Đối tượng xâm lược/ Kẻ thù	Chiến thắng tiêu biểu	Kết quả
1	?	?	?	?
...	?	?	?	?

Bài tập 6. Ghép tên cuộc kháng chiến ở cột A với người lãnh đạo ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A
1. Kháng chiến chống quân Triệu
2. Kháng chiến chống quân Nam Hán năm 938
3. Kháng chiến chống quân Tống năm 981
4. Kháng chiến chống quân Tống năm 1075 – 1077
5. Kháng chiến chống quân Mông Cổ năm 1258
6. Kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285
7. Kháng chiến chống quân Nguyên năm 1287 – 1288
8. Kháng chiến chống quân Minh năm 1406 – 1407
9. Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789

Cột B
a. Hồ Quý Ly
b. Trần Thái Tông
c. Trần Thánh Tông
d. Trần Nhân Tông
e. Ngô Quyền
g. Lý Thường Kiệt
h. Quang Trung
i. An Dương Vương
k. Lê Hoàn

Bài tập 7. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, lập hồ sơ tư liệu về một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm tiêu biểu trong lịch sử dân tộc.

Bài tập 8. Kể tên một số vị tướng tài giỏi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc. Em có ấn tượng với vị tướng nào nhất? Vì sao? Làm thẻ nhớ về vị tướng mà em ấn tượng nhất.

THẺ NHỚ NHÂN VẬT
...



Chú thích tranh/ảnh và dẫn nguồn tư liệu: ...

Tóm tắt tiểu sử

- Năm sinh, năm mất: ...
- Quê quán: ...
- Vai trò/đóng góp của nhân vật: ...
- Điều em yêu thích nhất hoặc bài học em học được từ nhân vật: ...

Bài tập 9. Sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy chỉ ra những bài học từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Những bài học đó có giá trị như thế nào đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

BÀI 8

MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ III TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX)

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 11 dưới đây.

1. Ý **không** phản ánh đúng điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc?

- A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
- B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.
- C. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi, lập được chính quyền tự chủ một thời gian.
- D. Mở ra thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.

2. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 đã diễn ra như thế nào?

- A. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh, Trưng Trắc lên ngôi vua và đóng đô tại đây.
- B. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Luy Lâu – trị sở của chính quyền đô hộ, Thái thú Tô Định bị giết tại trận.
- C. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh, rồi Cổ Loa và Luy Lâu – trị sở của chính quyền đô hộ, Thái thú Tô Định bỏ chạy về nước.
- D. Từ Hát Môn, nghĩa quân nhanh chóng đánh chiếm được Cổ Loa, đập tan gốc rễ của chính quyền đô hộ.

3. Điểm độc đáo của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là

- A. được đông đảo nhân dân tham gia.
- B. có sự liên kết với các tù trưởng dân tộc thiểu số.
- C. nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa.
- D. lực lượng nghĩa quân được tổ chức thành nhiều bộ phận: quân thủy, quân bộ và tượng binh.

4. Người lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi, lập nên Vương triều Lê sơ là ai?

- | | |
|-----------------|----------------|
| A. Lê Hoàn. | C. Lê Lợi. |
| B. Nguyễn Trãi. | D. Nguyễn Huệ. |

5. Nét nổi bật về tình hình của nghĩa quân Lam Sơn trong giai đoạn 1418 – 1423 là gì?
- A. Liên tục bị quân Minh vây hãm và phải rút lui ba lần lên núi Chí Linh.
 - B. Chuyển hướng vào Nghệ An, mở rộng địa bàn hoạt động vào phía nam.
 - C. Đánh bại các cuộc vây quét của quân Minh, làm chủ vùng đất từ Thanh Hoá đến Thuận Hoá.
 - D. Tổ chức các trận quyết chiến chiến lược nhưng không thành công.
6. Quyết định nào của Lê Lợi tạo ra bước ngoặt đầu tiên cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?
- A. Giảng hoà với quân Minh.
 - B. Chuyển quân vào Nghệ An.
 - C. Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động.
 - D. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá.
7. Kế hoạch tiến vào Nghệ An của nghĩa quân Lam Sơn do ai đưa ra?
- A. Nguyễn Trãi.
 - B. Lê Lai.
 - C. Lê Lợi.
 - D. Nguyễn Chích.
8. Trận đánh nào buộc quân Minh phải đầu hàng và rút quân về nước trong khởi nghĩa Lam Sơn?
- A. Bồ Ải – Trà Lân.
 - B. Tốt Động – Chúc Động.
 - C. Tân Bình – Thuận Hoá.
 - D. Chi Lăng – Xương Giang.
9. Phong trào Tây Sơn bắt đầu từ địa phương nào?
- A. Tây Sơn hạ đạo.
 - B. Phủ Quy Nhơn.
 - C. Tây Sơn thượng đạo.
 - D. Phủ Gia Định.
10. Đóng góp của phong trào Tây Sơn trong việc tiến quân ra Bắc, lật đổ chính quyền họ Trịnh là gì?
- A. Hoàn thành việc thống nhất đất nước.
 - B. Xoá bỏ chia cắt Đàng Trong – Đàng Ngoài, đặt nền tảng cho thống nhất đất nước.
 - C. Thiết lập một vương triều mới, đưa đất nước phát triển.
 - D. Mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc.
11. Ý nào **không** phải là bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc?
- A. Bài học về xây dựng lực lượng chống giặc ngoại xâm.

- B. Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
- C. Bài học về nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước.
- D. Bài học về nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và giải thích ngắn gọn câu sai.

1. Khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ vào năm 1407.
2. Núi Chí Linh là nơi Lê Lợi chọn làm căn cứ lâu dài cho cuộc khởi nghĩa.
3. Tại trận Chi Lăng – Xương Giang, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh tan đội quân cứu viện của nhà Minh.
4. Đông Quan (Hà Nội) là nơi Lê Lợi và các hào kiệt tổ chức hội thề, nguyện một lòng đánh giặc cứu nước.
5. Hội thề Lũng Nhai (Thanh Hoá) đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của nhà Minh trong cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.
6. Bộ chỉ huy khởi nghĩa Lam Sơn là những người tài giỏi, mưu lược cao, tiêu biểu là Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Nguyễn Xí,...
7. Quân Minh gặp khó khăn trong nước nên phải tạm dừng cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt.
8. Kết thúc 20 năm đô hộ của nhà Minh, khôi phục độc lập, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.
9. Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã đưa nước ta trở thành một cường quốc trong khu vực.

Bài tập 3. Điền từ hoặc cụm từ vào chỗ trống (...) trong các đoạn văn sau cho phù hợp về ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn và khởi nghĩa Tây Sơn.

- 3.1. Khởi nghĩa Lam Sơn đã phát triển thành một cuộc ...(1), có tính chất ...(2) rộng rãi. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi đã chấm dứt thời kì đô hộ của ...(3), khôi phục nền ...(4), đập tan âm mưu thủ tiêu nền văn hoá Đại Việt, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước.
- 3.2. Phong trào Tây Sơn từ một ...(1) đã phát triển thành ...(2) rộng lớn, lập nên những chiến công hiển hách. Phong trào đã lật đổ các chính quyền phong kiến ...(3)..., xoá bỏ tình trạng ...(4) Đồng thời, phong trào còn đánh tan các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, bảo vệ vững chắc nền ...(5) và ...(6) của Tổ quốc.

Bài tập 4. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp về nội dung lịch sử.

4.1. Các cuộc khởi nghĩa trong thời kì Bắc thuộc.

Cột A	Cột B
1. Hai Bà Trưng	a. Chiếm phủ Tống Bình, được tôn xưng là Bồ Cái Đại vương
2. Bà Triệu	b. Giành chính quyền, xưng hoàng đế, lập nước Vạn Xuân
3. Lý Bí	c. Đánh đuổi quân Ngô
4. Phùng Hưng	d. Đánh đuổi chính quyền nhà Hán, lên ngôi vua, dựng quyền tự chủ

4.2. Phong trào Tây Sơn.

Cột A	Cột B
1. 1773	a. Lật đổ chính quyền chúa Nguyễn
2. 1777	b. Lật đổ chính quyền họ Trịnh
3. 1778	c. Chiếm được phủ thành Quy Nhơn
4. 1785	d. Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế
5. 1786	e. Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút
6. 1788	g. Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế
7. 1789	h. Chiến thắng Ngọc Hồi – Đống Đa

Bài tập 5. Hãy lập và hoàn thành bảng thống kê về nội dung chính của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu diễn ra từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX.

Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa điểm	Người lãnh đạo	Trận đánh lớn	Kết quả
1	?	?	?	?	?
...	?	?	?	?	?

Bài tập 6. Xây dựng trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của phong trào Tây Sơn.

Bài tập 7. Lập và hoàn thành bảng thể hiện mối liên hệ giữa các câu thơ trong bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi với một số sự kiện lịch sử tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427).

Câu thơ trong bài <i>Bình Ngô đại cáo</i>	Sự kiện lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)
?	?
?	?

Bài tập 8. Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 400 – 500 chữ) nói về những bài học lịch sử từ các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 9

CUỘC CẢI CÁCH HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 5 dưới đây.

1. Ý nào sau đây **không** phản ánh được sự khủng hoảng, suy vong của nhà Trần vào cuối thế kỉ XIV?
 - A. Kinh tế suy sụp, mất mùa, đói kém liên miên.
 - B. Vua quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm đến đời sống nhân dân.
 - C. Nhà Minh chuẩn bị đem quân xâm lược Đại Việt.
 - D. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân, nô tì nổ ra ở khắp nơi.
2. Quốc hiệu nước ta dưới Triều Hồ là

A. Đại Cồ Việt.	C. Đại Việt.
B. Đại Ngu.	D. Đại Nam.
3. Nội dung cải cách của Hồ Quý Ly trên lĩnh vực kinh tế là
 - A. chia lại ruộng đất cho tất cả mọi người từ 18 tuổi trở lên.
 - B. phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng, ban hành chính sách hạn điền, quy định lại biểu thuế đinh, thuế ruộng.
 - C. quy định lại biểu thuế đinh tất cả những người có ruộng và không có ruộng đều phải nộp.
 - D. quy định lại việc sở hữu ruộng đất của toàn dân, mỗi người chỉ được sở hữu không quá 10 mẫu, kể cả Đại vương và Trưởng công chúa.
4. Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn điền và hạn nô nhằm mục đích gì?
 - A. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.
 - B. Hạn chế thế lực của quý tộc Trần.
 - C. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.
 - D. Thúc đẩy sản xuất thủ công nghiệp và thương nghiệp.

5. Ý nào sau đây **không** phải lí do Hồ Quý Ly quyết định thực hiện chính sách hạn điền?
- A. Đảm bảo ruộng đất cho nông dân, ổn định tình hình xã hội.
 - B. Làm suy yếu thế lực kinh tế của quý tộc Trần.
 - C. Đảm bảo nguồn thu tô thuế của nhà nước.
 - D. Đảm bảo lực lượng lao động cho sản xuất.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ và giải thích ngắn gọn câu sai.

1. Từ nửa sau thế kỉ XIV, Nhà nước không còn quan tâm đến sản xuất nông nghiệp; không chăm lo tu sửa, bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi,...
2. Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, nô tì với giai cấp thống trị trở nên gay gắt dẫn đến các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nô tì đã nổ ra như: khởi nghĩa Ngô Bệ (Hải Dương), khởi nghĩa Phạm Sư Ôn (Hà Nội), khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương (Sơn Nam),...
3. Dưới Triều vua Trần Nghệ Tông, Chu Văn An từng dâng sớ chém 7 gian thần nhưng không được chấp nhận nên ông đã từ quan về ở ẩn và dạy học ở Chí Linh (Hải Dương).
4. Hồ Quý Ly đã tiến hành một cuộc cải cách trên hầu hết các lĩnh vực, nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền và giải quyết các mâu thuẫn về kinh tế, xã hội xuất hiện cuối thời Trần.
5. Hồ Quý Ly và Triều Hồ ban hành chính sách hạn điền nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất trong các điền trang, thái ấp của tầng lớp quý tộc.
6. Triều Hồ cho xây dựng nhiều thành lũy kiên cố như: Đông Đô (Hà Nội), Tây Đô (Thanh Hoá), Đa Bang (Hà Nội),...
7. Hồ Quý Ly cho thực hiện một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển của Phật giáo.
8. Trong 7 năm (1400 – 1407), Triều Hồ đã tổ chức ba kì thi, lấy đỗ gần 200 người, trong đó có một trạng nguyên.
9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ là cuộc cải cách triệt để, đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, củng cố quyền lực của chính quyền trung ương.

Bài tập 3. Ghép lĩnh vực ở cột A với biện pháp cải cách ở cột B sao cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1. Kinh tế	a. Quy định số lượng gia nô được sở hữu của mỗi vương hầu, quý tộc, quan lại
	b. Biên hết các nhân khẩu từ 2 tuổi trở lên vào sổ hộ khẩu
2. Xã hội	c. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố như: Tây Đô (Thanh Hoá), Đa Bang (Hà Nội),...
	d. Hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu lớn về ruộng đất trong cách điền trang, thái ấp của tầng lớp quý tộc
3. Quân sự	e. Phát hành tiền giấy
	g. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo
	h. Chấn chỉnh chế độ thi cử
4. Văn hoá, giáo dục	i. Thống nhất đơn vị đo lường
	k. Cải cách chế độ thuế khoá
	l. Sử dụng chữ Nôm

Bài tập 4. Hoàn thành bảng thống kê về các nội dung chủ yếu trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và Triều Hồ.

Lĩnh vực	Nội dung cải cách	Ý nghĩa
Kinh tế	?	?
Xã hội	?	?
Quân sự	?	?
Văn hoá, giáo dục	?	?

Bài tập 5. Có nhận định cho rằng: “Hồ Quý Ly là một nhà cải cách lớn, kiên quyết và táo bạo”. Em đồng ý với nhận định đó không? Vì sao? Sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo và internet để tìm dẫn chứng chứng minh cho ý kiến của em.

BÀI 10

CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 6 dưới đây.

1. Mục đích cuộc cải cách của Lê Thánh Tông là gì?
 - A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.
 - B. Hoàn thiện bộ máy nhà nước.
 - C. Ổn định tình hình chính trị để phát triển kinh tế, văn hoá.
 - D. Tăng cường tiềm lực, đối phó với giặc ngoại xâm.
2. Bộ máy hành chính cấp địa phương dưới thời vua Lê Thánh Tông gồm các cấp nào?
 - A. Đạo – phủ – huyện – xã – thôn.
 - B. Đạo – phủ – huyện – hương – xã.
 - C. Đạo thừa tuyên – phủ – huyện – châu – xã.
 - D. Đạo – phủ – huyện – châu – xã.
3. Chính sách nào của vua Lê Thánh Tông đã giúp tập trung tối đa quyền lực vào tay nhà vua?
 - A. Bãi bỏ chức Tể tướng, Đại hành khiển, các cơ quan do vua trực tiếp chỉ đạo.
 - B. Chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên.
 - C. Ban hành bộ *Luật Hồng Đức* để bảo vệ lợi ích của triều đình.
 - D. Tăng cường lực lượng quân đội triều đình.
4. Phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu dưới thời vua Lê Thánh Tông là gì?
 - A. Tiến cử.
 - B. Khoa cử.
 - C. Ứng cử.
 - D. Tập ẩm.
5. Bộ luật được ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông là
 - A. Quốc triều hình luật.
 - B. Hình thư.
 - C. Hình luật.
 - D. Hoàng Việt luật lệ.
6. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông **không** mang lại kết quả nào đối với tình hình Đại Việt lúc bấy giờ?
 - A. Hoàn thiện bộ máy nhà nước.
 - B. Đưa chế độ quân chủ Việt Nam phát triển đến đỉnh cao.
 - C. Ổn định chính trị để phát triển kinh tế, văn hoá.
 - D. Thúc đẩy quá trình khai hoang và mở rộng lãnh thổ.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) trong các câu dưới đây.

1. Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh tình hình đất nước lâm vào khủng hoảng, tình trạng quan lại lộng quyền, tham nhũng,... ngày càng trở nên phổ biến.
2. Cả nước chia thành 5 đạo (Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây) khiến cho quyền lực của những người đứng đầu mỗi đạo rất lớn, là mầm mống của xu hướng phân tán quyền lực.
3. Ở trung ương, vua Lê Thánh Tông nắm mọi quyền hành và trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chuyên môn.
4. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông xoá bỏ 5 đạo, chia đất nước thành 13 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô (Thăng Long).
5. Năm 1483, Nhà nước ban hành bộ *Hoàng triều luật lệ* (Luật Hồng Đức) gồm 722 điều với nhiều quy định mang tính dân tộc sâu sắc.
6. Điểm chung trong cuộc cải cách của Hồ Quý Lý và Lê Thánh Tông về giáo dục khoa cử đó là nhiều khoa thi được tổ chức để tuyển chọn người tài cho bộ máy nhà nước.

Bài tập 3. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp với biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông.

Cột A	Cột B
1. Đặt ra Lục Khoa	a. để đào tạo, tuyển dụng nhân tài cho đất nước.
2. Đặt ra Lục Tự	b. để tôn vinh những người đỗ đại khoa.
3. Chú trọng hoàn thiện luật pháp, ban hành bộ <i>Quốc triều hình luật</i>	c. để giúp việc cho Lục Bộ.
4. Chú trọng giáo dục và khoa cử	d. để theo dõi, giám sát hoạt động của Lục Bộ.
5. Dựng bia đá ở Văn Miếu	e. để quản lí nhà nước.

Bài tập 4. Lập và hoàn thành bảng thống kê về các nội dung chủ yếu trong cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông.

Lĩnh vực	Nội dung cải cách	Ý nghĩa
Hành chính	?	?
Pháp luật	?	?
Quân đội và quốc phòng	?	?
Kinh tế	?	?
Văn hoá, giáo dục	?	?

Bài tập 5. Dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet về cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV), em hãy nêu ra một số bài học có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

BÀI 11

CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 7 dưới đây.

- Mục đích cuộc cải cách của Minh Mạng là gì?
 - Ổn định tình hình xã hội của đất nước.
 - Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
 - Cải tổ và hoàn thiện hệ thống quan lại.
 - Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- Cơ quan làm chức năng chuyên, tiếp nhận và lưu giữ công văn dưới thời vua Minh Mạng là
 - Hàn lâm viện.
 - Cơ mật viện.
 - Nội các.
 - Đồ sát viện.
- Cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề quân sự quan trọng là
 - Hàn lâm viện.
 - Cơ mật viện.
 - Nội các.
 - Đồ sát viện.

4. Các cơ quan giám sát trong bộ máy nhà nước thời Minh Mạng là
- A. Hàn lâm viện, Cơ mật viện. C. Đô sát viện, Lục Khoa.
B. Cơ mật viện, Lục Khoa. D. Nội các, Cơ mật viện.
5. Vua Minh Mạng quyết định bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước thành các tỉnh, phủ vào thời gian nào?
- A. Năm 1831 – 1832. C. Năm 1824 – 1825.
B. Năm 1813 – 1823. D. Năm 1832 – 1833.
6. Thời Minh Mạng, bộ máy chính quyền địa phương trong cả nước gồm
- A. các châu, phủ, huyện. C. 20 tỉnh và 3 phủ.
B. 30 tỉnh và 1 phủ. D. 34 tỉnh và 4 phủ.
7. Nội dung của chế độ hồi tỵ là gì?
- A. Những người thân không được làm quan cùng một chỗ.
B. Những người thân không được sống cùng một chỗ.
C. Những người thân không được làm cùng một công việc.
D. Những người thân không được giới thiệu nhau làm quan.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về nội dung cuộc cải cách Minh Mạng trong các câu dưới đây.

1. Cơ mật viện là cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề hành chính, an ninh và quân sự.
2. Nội các và Cơ mật viện là cơ quan tham mưu và tư vấn cho hoàng đế trên lĩnh vực hành chính.
3. Tổng đốc thường là người đứng đầu liên tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh.
4. Tuần phủ là người đứng đầu một tỉnh, đặt dưới sự kiểm quản của Tổng đốc.
5. Ở vùng dân tộc thiểu số, vua Minh Mạng tiến hành thử nghiệm bãi bỏ chế độ cai trị của các tù trưởng địa phương, bổ dụng quan lại của triều đình đến cai trị trực tiếp.
6. Vua Minh Mạng chia cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ.
7. Quốc tử giám là cơ quan phụ trách giáo dục của Triều Nguyễn.

Bài tập 3. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B sao cho phù hợp về nội dung cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX).

Cột A	Cột B
1. Nội các	a. Những người thân như anh, em, cha, con, thầy, trò,... không được làm quan cùng một chỗ
2. Lục Khoa	b. thực hiện chế độ thanh tra, giám sát đối với các cơ quan chuyên môn khác ngoài Lục Bộ
3. Đô sát viện	c. tham mưu và tư vấn cho hoàng đế các vấn đề an ninh, quân sự
4. Cơ mật viện	d. đứng đầu liên tỉnh, trực tiếp cai trị một tỉnh
5. Tuần phủ	e. đứng đầu một tỉnh
6. Tổng đốc	g. chuyển, tiếp nhận và lưu giữ công văn
7. Hối ty	h. thực hiện chế độ thanh tra, giám sát đối với Lục Bộ

Bài tập 4. Lập sơ đồ tư duy về bối cảnh lịch sử, nội dung chính và ý nghĩa của cuộc cải cách Minh Mạng.

Bài tập 5. Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời vua Minh Mạng.

Bài tập 6. Liên hệ với thực tiễn và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet, cho biết những bài học kinh nghiệm nào từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện nay?

LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

BÀI 12

VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Bài tập 1. Hãy xác định chỉ một ý trả lời đúng cho các câu hỏi từ 1 đến 9 dưới đây.

1. Biển Đông kết nối các đại dương nào dưới đây?
 - A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
 - B. Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.
 - C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
 - D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.
2. Những eo biển quan trọng ở Biển Đông là
 - A. Ma-lắc-ca, Đài Loan, Ba-si.
 - B. Hô-mốt, Lu-xôn, Ba-si.
 - C. Mô-dăm-bích, Hô-mốt, Lu-xôn.
 - D. Ma-lắc-ca, Đài Loan, Hô-mốt.
3. Ở khu vực Biển Đông, các nước có các hoạt động kinh tế nào?
 - A. Thương mại, nông nghiệp, luyện kim.
 - B. Ngân hàng, nông nghiệp, chế tạo ô tô.
 - C. Thương mại, khai thác hải sản và dầu khí, du lịch.
 - D. Khai thác hải sản và dầu khí, nông nghiệp, luyện kim.
4. Các cảng biển nào dưới đây nằm ở Biển Đông?
 - A. Xin-ga-po, Đà Nẵng, Van-cô-vơ.
 - B. Hồng Công, Ham-buốc, La Spe-di-a.
 - C. Xin-ga-po, Đà Nẵng, Ma-ni-la.
 - D. Xin-ga-po, Ma-ni-la, Giê-noa.
5. Biển Đông là khu vực giàu các tài nguyên thiên nhiên gì?
 - A. Kim cương, cát, sinh vật biển.
 - B. Sinh vật biển, thiếc, dầu khí.
 - C. Than đá, dầu khí, thiếc.
 - D. Dầu khí, sinh vật biển, vàng.

6. Đặc điểm địa lí chung của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là gì?
- A. Diện tích các đảo lớn.
 - B. Nằm ở trung tâm của Biển Đông.
 - C. Các quần đảo gồm hàng nghìn hòn đảo nhỏ.
 - D. Các đảo là đảo đá.
7. Tầm quan trọng của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là gì?
- A. Phát triển lâm nghiệp.
 - B. Phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt trồng lúa nước.
 - C. Phát triển các cơ sở công nghiệp nặng như luyện kim, chế tạo máy móc.
 - D. Xây dựng cơ sở hậu cần – kĩ thuật cho quốc phòng và kinh tế.
8. Các quốc gia ven Biển Đông hiện đang có những hoạt động kinh tế nào trong khu vực biển này?
- A. Du lịch, khai thác thủy sản và dầu khí.
 - B. Du lịch, khai khoáng, trồng cây công nghiệp.
 - C. Khai khoáng, bảo tồn động – thực vật, thương mại.
 - D. Tuần tra, khai thác dầu khí, lắp ráp tàu quân sự.
9. Những quốc gia nào dưới đây tiếp giáp với Biển Đông?
- A. Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a.
 - B. Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.
 - C. Việt Nam, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.
 - D. Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc, Mi-an-ma.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về vị trí, tầm quan trọng của Biển Đông trong các câu dưới đây.

1. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ nằm rải rác.
2. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông án ngữ các tuyến đường vận tải biển quốc tế quan trọng.
3. Biển Đông không có nhiều tài nguyên thiên nhiên quan trọng.

4. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng – an ninh, giao thông vận tải và thương mại biển.
5. Eo Ma-lắc-ca là một trong những eo biển quan trọng nhất trên Biển Đông.
6. Biển Đông có tài nguyên đất đai để phát triển nông nghiệp trồng lúa nước.
7. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia Đông Nam Á và Đông Bắc Á.
8. Tại nhiều đảo trên Biển Đông, có thể phát triển du lịch và xây dựng trung tâm bảo tồn sinh vật biển.
9. Quần đảo Hoàng Sa trải rộng trên khu vực biển rộng lớn hơn quần đảo Trường Sa.

Bài tập 3. Quan sát lược đồ Hình 2 (tr. 74, SGK) và nêu nhận xét của em về vị trí, đặc điểm của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Bài tập 4. Khai thác tư liệu dưới đây và thông tin trong SGK, hãy nêu những tiềm năng của Biển Đông.

TƯ LIỆU. Biển Đông là nơi cư trú của trên 12 000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2 040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú,... Trong khu vực này tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn. Khu vực thềm lục địa của Biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru-nây, Nam Côn Sơn, Hoàng Sa,...

(Theo Nguyễn Văn Âu, *Địa lý tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, tr. 33, 71 – 72)

Bài tập 5. Hoàn thành bảng dưới đây về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trên Biển Đông đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Lĩnh vực	Nội dung
Quốc phòng	?
Kinh tế	?
Nghiên cứu khoa học	?

- A. Tượng đài lịch sử, ca dao tục ngữ.
B. Bản đồ, tư liệu lịch sử.
C. Di tích ngọn hải đăng, cột mốc chủ quyền.
D. Tác phẩm văn học, tượng đài lịch sử.
11. Chính quyền thực dân Pháp đã sáp nhập quần đảo Hoàng Sa thành đơn vị hành chính thuộc tỉnh nào?
A. Thừa Thiên. C. Khánh Hoà.
B. Bà Rịa. D. Sài Gòn.
12. Theo quy định của văn bản quốc tế nào dưới đây thì Việt Nam là quốc gia ven biển được phép thăm dò, khai thác khoảng 1 triệu km² vùng biển và thềm lục địa trên Biển Đông?
A. Văn bản kí kết tại Hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô năm 1951.
B. Hiệp định Pa-ri năm 1973.
C. Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc.
D. Hiến chương ASEAN năm 2007.
13. Dưới thời các chúa Nguyễn và Vương triều Tây Sơn, các đội dân binh Hoàng Sa và Bắc Hải có nhiệm vụ gì ở khu vực Biển Đông?
A. Khai thác sản vật và ứng chiến với nạn cướp biển.
B. Xây dựng cột mốc chủ quyền.
C. Vẽ bản đồ.
D. Buôn bán.
14. Văn bản nào dưới đây quy định đầy đủ nhất về quy chế pháp lí các vùng biển Việt Nam và điều chỉnh các hoạt động trong các vùng biển Việt Nam?
A. Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc.
B. Luật Biên giới quốc gia năm 2003.
C. Luật Hàng hải năm 2005.
D. Luật Biển Việt Nam năm 2012.
15. Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là đơn vị hành chính thuộc tỉnh hoặc thành phố nào?
A. Đà Nẵng và Khánh Hoà.
B. Quảng Nam và Khánh Hoà.
C. Quảng Ngãi và Quảng Nam.
D. Đà Nẵng và Quảng Nam.

16. Chính quyền thực dân Pháp đã có hoạt động nào để bảo vệ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam?
- A. Chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng Sa trước cuộc tấn công của Trung Quốc năm 1974.
 - B. Xây dựng cột hải đăng năm 1937.
 - C. Cử quân đội đồn trú và yêu cầu quân đội nước ngoài rút khỏi các đảo đã chiếm đóng trái phép trong những năm 1946 – 1947
 - D. Thực hiện khảo sát khoa học vào năm 1925 và năm 1927.
17. Trong quản lí hành chính, chính quyền thực dân Pháp và Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn) đã thực hiện hoạt động nào dưới đây để quản lí quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?
- A. Sáp nhập và tổ chức hai quần đảo thành đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh.
 - B. Vẽ bản đồ, xây dựng hải quân.
 - C. Khai thác khoáng sản và phát triển kinh tế.
 - D. Xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức họp báo tuyên bố chủ quyền.

Bài tập 2. Hãy xác định câu đúng hoặc sai về tầm quan trọng của Biển Đông và các cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong các câu dưới đây.

1. Việt Nam có đường bờ biển trải dài từ thành phố Hải Phòng đến tỉnh Kiên Giang.
2. Các đảo, quần đảo trên Biển Đông tạo thành tuyến phòng thủ hướng đông của đất nước.
3. Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình.
4. Các đội dân binh Hoàng Sa, Bắc Hải được thành lập đầu tiên dưới thời vua Minh Mạng.
5. Bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* vẽ năm 1838 đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ của Việt Nam.
6. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
7. *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (1774) do người phương Tây vẽ đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa.
8. Phát triển kinh tế biển, tăng cường quốc phòng và an ninh trên biển là những biện pháp để tăng cường tiềm lực quốc gia trong bảo vệ chủ quyền biển đảo.
9. Việt Nam đã tích cực đóng góp cho việc thực hiện Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

10. Các Sách trắng ban hành năm 1979, 1981, 1988 của Việt Nam đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

11. Các đội Hoàng Sa và Bắc Hải có nhiệm vụ tuần tiễu giữ gìn vùng biển và khai thác sản vật ở các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Bài tập 3. Ghép nội dung ở cột bên trái và cột bên phải với cột ở giữa cho phù hợp với hoạt động xác lập và quản lí liên tục, thực thi và bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

1. Quản lí hành chính quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong giai đoạn 1954 – 1975	a. Các chúa Nguyễn	7. Đặt Hoàng Sa thuộc phủ Quảng Nghĩa
2. Thành lập các đội dân binh Hoàng Sa và Bắc Hải	b. Vua Minh Mạng	8. Thành lập huyện Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà
3. Ban hành Sách trắng khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa	c. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	9. Gửi công hàm phản đối việc Nhật Bản kiểm soát một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa
4. Ban hành Luật Biển Việt Nam vào năm 2012	d. Chính quyền thực dân Pháp	10. Cho dựng miếu và trồng cây trên một số đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa
5. Xây dựng đèn biển, trạm khí tượng đầu tiên ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa	e. Vua Gia Long	11. <i>Vẽ Đại Nam nhất thống toàn đồ.</i>
6. Thực hiện các cuộc khảo sát khoa học đầu tiên	g. Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn)	12. Tổ chức đội thủy quân chuyên trách thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

Bài tập 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Đồng bằng là nhà, mà biển là cửa. Giữ nhà mà không giữ cửa có được không?... Nếu mình không lo bảo vệ miền biển, thì đánh cá, làm muối cũng không yên... Đồng bào miền biển là người canh cửa cho Tổ quốc”.

Từ câu nói trên, em có suy nghĩ gì về tầm quan trọng của Biển Đông đối với đất nước?

Bài tập 5. Hãy phân tích ý nghĩa của việc thành lập các đội dân binh Hoàng Sa và Bắc Hải đối với quá trình thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo của cha ông ta.

Bài tập 6. Nêu ý nghĩa của việc ban hành các Sách trắng và thông qua các bộ luật như Luật Biển năm 2012, Bộ luật Hàng hải năm 2015,... đối với hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bài tập 7. Khai thác Tư liệu 3 (tr. 89, SGK) và nêu nguyên tắc giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông đã được các nước ASEAN và Trung Quốc thống nhất trong Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). Lấy ví dụ cụ thể về các hoạt động thực tiễn mà Việt Nam đã triển khai trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc đó.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

ĐỀ MINH HOẠ SỐ 3

Thời gian làm bài: 60 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước câu trả lời đúng.

- Năm 1077, quân và dân Đại Việt dưới sự lãnh đạo của Lý Thường Kiệt đã đánh bại quân Tống tại đâu?
A. Kinh thành Thăng Long.
B. Biên giới Việt – Trung.
C. Phòng tuyến Như Nguyệt (Bắc Ninh).
D. Thành Cổ Loa (Hà Nội).
- Những trận đánh lớn trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên là
A. Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Bạch Đằng.
B. Bạch Đằng, Như Nguyệt, Chi Lăng – Xương Giang.
C. Tốt Động – Chúc Động, Chi Lăng – Xương Giang.
D. Rạch Gầm – Xoài Mút, Ngọc Hồi – Đống Đa.
- Kế hoạch tiến vào Nghệ An của nghĩa quân Lam Sơn do ai đưa ra?
A. Nguyễn Trãi.
B. Lê Lai.
C. Lê Lợi.
D. Nguyễn Chích.
- Phong trào Tây Sơn bắt đầu từ địa phương nào?
A. Tây Sơn hạ đạo.
B. Phủ Quy Nhơn.
C. Tây Sơn thượng đạo.
D. Phủ Gia Định.
- Trận đánh quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Xiêm là
A. Tốt Động – Chúc Động.
B. Rạch Gầm – Xoài Mút.
C. Chi Lăng – Xương Giang.
D. Ngọc Hồi – Đống Đa.
- Biển Đông kết nối các đại dương nào dưới đây?
A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
B. Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.
C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

7. Biển Đông là khu vực giàu các tài nguyên thiên nhiên gì?
A. Kim cương, cát, sinh vật biển. C. Than đá, dầu khí, thiếc.
B. Sinh vật biển, thiếc, dầu khí. D. Dầu khí, sinh vật biển, vàng.
8. Những địa phương nào dưới đây có thể xây dựng cảng biển nước sâu?
A. Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.
B. Quảng Ninh, Khánh Hoà, Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. Hà Nội, Đà Nẵng, Bình Định.
D. Hải Phòng, Thái Bình, Thanh Hoá.
9. Phương thức tuyển chọn quan lại chủ yếu dưới thời vua Lê Thánh Tông là gì?
A. Tiến cử. C. Ứng cử.
B. Khoa cử. D. Tập ấu.
10. Mục đích cuộc cải cách của Minh Mạng là gì?
A. Ổn định tình hình xã hội của đất nước.
B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
C. Cải tổ và hoàn thiện hệ thống quan lại.
D. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
11. Việc xác lập chủ quyền và thực thi quản lí liên tục tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam trong các thế kỉ XVII, XVIII được thể hiện qua hoạt động của lực lượng nào?
A. Thủy quân. C. Quân đội triều đình.
B. Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải. D. Đội Bắc Hải và thủy quân.
12. Tác phẩm nào dưới đây do Lê Quý Đôn biên soạn đã ghi chép về cương vực và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?
A. Đại Việt sử ký. C. Lịch triều hiến chương loại chí.
B. Phủ biên tạp lục. D. Ước Trai thi tập.
13. Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là đơn vị hành chính thuộc tỉnh hoặc thành phố nào của nước ta ?
A. Đà Nẵng và Khánh Hoà.
B. Quảng Nam và Khánh Hoà.
C. Quảng Ngãi và Quảng Nam.
D. Đà Nẵng và Quảng Nam.

14. “*Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông nghìn thuở vững âu vàng*”
Hai câu thơ trên nói về cuộc kháng chiến nào?
A. Kháng chiến chống quân Tống.
B. Kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
C. Kháng chiến chống quân Xiêm.
D. Kháng chiến chống quân Thanh.
15. Ý nào **không** phản ánh đúng đặc điểm chung của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi của dân tộc trước năm 1858?
A. Đều chống lại sự xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc.
B. Đều kết thúc bằng một trận quyết chiến chiến lược, đập tan ý đồ xâm lược của kẻ thù.
C. Đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa, bảo vệ độc lập của dân tộc.
D. Nhân đạo, hoà hiếu đối với kẻ xâm lược bại trận là một trong những nét nổi bật.
16. Quyết định nào của Lê Lợi tạo ra bước ngoặt đầu tiên cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?
A. Giảng hoà với quân Minh.
B. Chuyển quân vào Nghệ An.
C. Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động.
D. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá.
17. Điểm độc đáo của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là
A. được đông đảo nhân dân tham gia.
B. có sự liên kết với các tù trưởng dân tộc thiểu số.
C. nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa.
D. lực lượng nghĩa quân được tổ chức thành nhiều bộ phận: quân thủy, quân bộ và tượng binh.
18. Nét nổi bật về tình hình của nghĩa quân Lam Sơn trong giai đoạn 1418 – 1423 là gì?
A. Liên tục bị quân Minh vây hãm và phải rút lui ba lần lên núi Chí Linh.
B. Chuyển hướng vào Nghệ An, mở rộng địa bàn hoạt động vào phía nam.
C. Đánh bại các cuộc vây quét của quân Minh, làm chủ vùng đất từ Thanh Hoá đến Thuận Hoá.
D. Tổ chức các trận quyết chiến chiến lược nhưng không thành công.

19. Ý nào **không** phải là bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc ở nước ta trước năm 1858?
- A. Bài học về xây dựng lực lượng chống giặc ngoại xâm.
 - B. Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
 - C. Bài học về nghệ thuật quân sự đánh giặc giữ nước.
 - D. Bài học về nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng.
20. Chính quyền thực dân Pháp đã tiếp tục khẳng định chủ quyền, quản lí quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa bằng các biện pháp nào?
- A. Xây dựng cột mốc chủ quyền, hải đăng, trạm khí tượng.
 - B. Xây dựng nhà thờ, cột mốc chủ quyền và trường học.
 - C. Cử quân đội đồn trú, xây dựng trường học, khai thác mỏ.
 - D. Khai thác mỏ, xây dựng cột mốc chủ quyền và trường học.
21. Ý nào dưới đây **không** phải là chủ trương của Việt Nam trong giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông?
- A. Ban hành các văn bản pháp lí khẳng định chủ quyền của Việt Nam.
 - B. Tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS).
 - C. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).
 - D. Ban hành lệnh cấm đánh bắt hải sản trên Biển Đông.
22. Trong thời kì quân chủ, những tư liệu nào dưới đây đã góp phần khẳng định Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?
- A. Tượng đài lịch sử, ca dao tục ngữ.
 - B. Bản đồ, tư liệu lịch sử.
 - C. Di tích ngọn hải đăng, cột mốc chủ quyền.
 - D. Tác phẩm văn học, tượng đài lịch sử.
23. Theo quy định của văn bản quốc tế nào dưới đây thì Việt Nam là quốc gia ven biển được phép thăm dò, khai thác khoảng 1 triệu km² vùng biển và thềm lục địa trên Biển Đông?
- A. Văn bản kí kết tại Hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô năm 1951.
 - B. Hiệp định Pa-ri năm 1973.
 - C. Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc.
 - D. Hiến chương ASEAN năm 2007.

- 24.** Trong quản lí hành chính, chính quyền thực dân Pháp và Việt Nam Cộng Hoà (chính quyền Sài Gòn) đã thực hiện hoạt động nào dưới đây để quản lí quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?
- A. Sáp nhập và tổ chức hai quần đảo thành đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh.
 - B. Vẽ bản đồ, xây dựng hải quân.
 - C. Khai thác khoáng sản và phát triển kinh tế.
 - D. Xây dựng cơ sở hạ tầng và tổ chức hợp báo tuyên bố chủ quyền.

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm)

- 1.1.** Giải thích tại sao Biển Đông có vị trí quan trọng trong an ninh, hàng hải quốc tế?
- 1.2.** Nêu nguyên tắc giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông đã được các nước ASEAN và Trung Quốc thống nhất trong Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). Lấy ví dụ cụ thể về các hoạt động thực tiễn mà Việt Nam đã triển khai trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc đó.

Câu 2 (1,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm từ sách, báo, internet về cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV), em hãy nêu ra một số bài học có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

ĐỀ MINH HOẠ SỐ 4

Thời gian làm bài: 60 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ in hoa trước câu trả lời đúng.

1. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, quân dân Đại Việt phải chống lại các cuộc xâm lược của đội quân nào?
A. Tống, Mông – Nguyên, Thanh.
B. Tống, Mông – Nguyên, Minh.
C. Tống, Nguyên, Thanh.
D. Tống, Minh, Thanh.
2. Chiến thắng nào đã chấm dứt hoàn toàn tham vọng xâm chiến Đại Việt của nhà Nguyên năm 1288?
A. Đông Bộ Đầu.
B. Vạn Kiếp.
C. Vân Đồn.
D. Bạch Đằng.
3. Quyết định nào của Lê Lợi tạo ra bước ngoặt đầu tiên cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?
A. Giảng hoà với quân Minh.
B. Chuyển quân vào Nghệ An.
C. Tiến quân ra Bắc, mở rộng phạm vi hoạt động.
D. Giải phóng Tân Bình, Thuận Hoá.
4. Trận đánh nào buộc quân Minh phải đầu hàng và rút quân về nước trong khởi nghĩa Lam Sơn?
A. Bồ Ải – Trà Lân.
B. Tốt Động – Chúc Động.
C. Tân Bình – Thuận Hoá.
D. Chi Lăng – Xương Giang.
5. Trận đánh quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh là
A. Tốt Động – Chúc Động.
B. Rạch Gầm – Xoài Mút.
C. Chi Lăng – Xương Giang.
D. Ngọc Hồi – Đống Đa.
6. Chính sách nào của vua Lê Thánh Tông đã giúp tập trung tối đa quyền lực vào tay nhà vua?
A. Bãi bỏ chức Tể tướng, Đại hành khiển, các cơ quan do vua trực tiếp chỉ đạo.
B. Chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên.
C. Ban hành bộ *Lược Hồng Đức* để bảo vệ lợi ích của triều đình.
D. Tăng cường lực lượng quân đội triều đình.

7. Bộ luật được ban hành dưới thời vua Lê Thánh Tông là
A. Quốc triều hình luật. C. Hình luật.
B. Hình thư. D. Hoàng Việt luật lệ.
8. Thời Minh Mạng, bộ máy chính quyền địa phương trong cả nước gồm
A. các châu, phủ, huyện. C. 20 tỉnh và 3 phủ.
B. 30 tỉnh và 1 phủ. D. 34 tỉnh và 4 phủ.
9. Những eo biển quan trọng ở Biển Đông là
A. Ma-lắc-ca, Đài Loan, Ba-si. C. Mô-dăm-bích, Hô-mốt, Lu-xôn.
B. Hô-mốt, Lu-xôn, Ba-si. D. Ma-lắc-ca, Đài Loan, Hô-mốt.
10. Đặc điểm địa lí chung của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là gì?
A. Diện tích các đảo lớn.
B. Nằm ở trung tâm của Biển Đông.
C. Các quần đảo gồm hàng nghìn hòn đảo nhỏ.
D. Các đảo là đảo đá.
11. Những quốc gia nào dưới đây tiếp giáp với Biển Đông?
A. Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a.
B. Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.
C. Việt Nam, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma.
D. Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc, Mi-an-ma.
12. Năm 1951, chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cũng được tuyên bố tại hội nghị quốc tế nào?
A. Hội nghị Giơ-ne-vơ. C. Hội nghị Pa-ri.
B. Hội nghị Pốt-xđam. D. Hội nghị Xan Phran-xi-xcô.
13. Ý nào **không** phản ánh chính xác nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến trong lịch sử?
A. Các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đều là các cuộc chiến tranh chính nghĩa nhằm bảo vệ độc lập dân tộc.
B. Nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đoàn kết.
C. Do quân giặc chủ động rút quân về nước.
D. Kế sách đánh giặc của quân và dân Việt Nam đúng đắn, linh hoạt, nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo.

14. Ý **không** phản ánh đúng điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc?
- A. Liên tiếp nổ ra ở ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.
 - B. Được đông đảo nhân dân tham gia, hưởng ứng.
 - C. Nhiều cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi, lập được chính quyền tự chủ một thời gian.
 - D. Mở ra thời kì độc lập lâu dài của dân tộc.
15. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 đã diễn ra như thế nào?
- A. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh, Trưng Trắc lên ngôi vua và đóng đô tại đây.
 - B. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Luy Lâu – trị sở của chính quyền đô hộ, Thái thú Tô Định bị giết tại trận.
 - C. Từ Hát Môn, nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh, rồi Cổ Loa và Luy Lâu – trị sở của chính quyền đô hộ, Thái thú Tô Định bỏ chạy về nước.
 - D. Từ Hát Môn, nghĩa quân nhanh chóng đánh chiếm được Cổ Loa, đập tan gốc rễ của chính quyền đô hộ.
16. Đóng góp của phong trào Tây Sơn trong việc tiến quân ra Bắc, lật đổ chính quyền họ Trịnh là gì?
- A. Hoàn thành việc thống nhất đất nước.
 - B. Xoá bỏ chia cắt Đàng Trong – Đàng Ngoài, đặt nền tảng cho thống nhất đất nước.
 - C. Thiết lập một vương triều mới, đưa đất nước phát triển.
 - D. Mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc.
17. Hồ Quý Ly ban hành chính sách hạn điền và hạn nô nhằm mục đích gì?
- A. Thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.
 - B. Hạn chế thế lực của quý tộc Trần.
 - C. Chia ruộng đất công cho nông dân nghèo.
 - D. Thúc đẩy sản xuất thủ công nghiệp và thương nghiệp.
18. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông **không** mang lại kết quả nào đối với tình hình Đại Việt lúc bấy giờ?
- A. Hoàn thiện bộ máy nhà nước.
 - B. Đưa chế độ quân chủ Việt Nam phát triển đến đỉnh cao.
 - C. Ổn định chính trị để phát triển kinh tế, văn hoá.
 - D. Thúc đẩy quá trình khai hoang và mở rộng lãnh thổ.

19. Triều đại quân chủ đã chính thức tổ chức lực lượng quân đội chính quy của Nhà nước chuyên trách làm nhiệm vụ chuyên trách thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là
- A. Triều Trần. C. Triều Tây Sơn.
B. Chúa Nguyễn. D. Triều Nguyễn.
20. Những công trình địa lí và lịch sử nào dưới đây của Việt Nam đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam?
- A. Đại Nam nhất thống toàn đồ, Hoàng Việt Dư địa chí, Đại Nam thực lục.
B. Hoàng Lê nhất thống chí, Giáp Ngọ niên bình Nam đồ, Đại Việt sử ký toàn thư.
C. An Nam đại quốc hoạ đồ, Đại Nam thực lục, Lịch triều hiến chương loại chí.
D. Phủ biên tạp lục, Hoàng Lê nhất thống chí, An Nam đại quốc hoạ đồ.
21. Việc tổ chức các đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Triều Nguyễn và chính quyền thực dân Pháp có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam trên Biển Đông?
- A. Khẳng định xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
B. Tổ chức khai thác kinh tế tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
C. Xây dựng cơ sở hạ tầng tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
D. Xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
22. Văn bản nào dưới đây quy định đầy đủ nhất về quy chế pháp lí các vùng biển Việt Nam và điều chỉnh các hoạt động trong các vùng biển Việt Nam?
- A. Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc.
B. Luật Biên giới quốc gia năm 2003.
C. Luật Hàng hải năm 2005.
D. Luật Biển Việt Nam năm 2012.
23. Chính quyền thực dân Pháp đã có hoạt động nào để bảo vệ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam?
- A. Chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng Sa trước cuộc tấn công của Trung Quốc năm 1974.

- B. Xây dựng cột hải đăng năm 1937.
- C. Cử quân đội đồn trú và yêu cầu quân đội nước ngoài rút khỏi các đảo đã chiếm đóng trái phép trong những năm 1946 – 1947.
- D. Thực hiện khảo sát khoa học vào năm 1925 và năm 1927.
- 24.** Câu nói của Trần Quốc Tuấn: *“Vừa rồi, Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây, nhưng vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước nhà góp sức, giặc phải bị bắt...”* nói về điều gì?
- A. Phát huy truyền thống yêu nước trong đánh giặc, giữ nước.
- B. Kết hợp giữa truyền thống yêu nước với truyền thống lao động sản xuất.
- C. Bài học phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chiến tranh giữ nước.
- D. Chiến thuật bao vây tiêu diệt quân giặc có thể vận dụng về sau.

II. TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy phân tích ý nghĩa của việc thành lập các đội dân binh Hoàng Sa và Bắc Hải đối với quá trình thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo của cha ông.

Câu 2 (2,0 điểm)

Hãy chỉ ra những bài học từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Những bài học đó có giá trị như thế nào đối với công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

PHẦN HAI

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý TRẢ LỜI MỘT SỐ CÂU HỎI, BÀI TẬP

Chủ đề 1. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

BÀI 1.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	B	D	A	C	A	D	C	D	D	D

Bài tập 2. Đúng: 1, 2, 6, 7; Sai: 3, 4, 5, 8.

Bài tập 3. (1) dân tộc và dân chủ; (2) dân tộc; (3) thị trường dân tộc; (4) giải phóng; (5) dân chủ; (6) tư sản; (7) cách mạng tư sản; (8) xoá bỏ; (9) nền kinh tế; (10) mở đường; (11) tư sản.

Bài tập 4. 1 – g, 2 – d, 3 – b, 4 – c, 5 – e, 6 – a.

Bài tập 6. Cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là một cuộc chiến tranh chính nghĩa vì:

– Đã giải phóng nhân dân các thuộc địa Anh khỏi ách áp bức, bóc lột của thực dân, đưa đến sự thành lập Nhà nước tư sản đầu tiên ở ngoài châu Âu.

– Thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ La-tinh phát triển và có ảnh hưởng tích cực đến phong trào giành độc lập ở nhiều nơi trên thế giới vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX.

BÀI 2.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	C	B	C	B	C	A	C	B	A	B

Bài tập 4.

- Mô tả Hình 7 trong SGK: Trong tranh biếm hoạ, con bạch tuộc là biểu tượng minh hoạ cho Công ti Dầu Tiêu chuẩn (Standard Oil – dòng chữ tiếng Anh ghi trên đầu con bạch tuộc) – một công ti độc quyền có ảnh hưởng rất lớn đối với nền kinh tế Mỹ trong những năm cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX. Trong bức tranh nổi bật lên:
 - + Hình ảnh khổng lồ của con bạch tuộc, biểu trưng cho độc quyền dầu mỏ thì rất lớn trong khi đó hình ảnh toà nhà Quốc hội Mỹ (biểu trưng cho quyền lực của chính quyền Mỹ) thì lại rất nhỏ.
 - + Hình ảnh những chiếc vôi của con bạch tuộc đang quăn lấy những người dân.
- Từ đó cho thấy: Các công ti độc quyền có mức độ thao túng và tầm ảnh hưởng to lớn không chỉ đối với nền kinh tế mà còn cả với đời sống chính trị, xã hội của nước Mỹ nói riêng và các nước tư bản nói chung.

Bài tập 5. 1 – e, 2 – d, 3 – c, 4 – a, 5 – b, 6 – g.

Bài tập 6. *Gợi ý trả lời:*

- *Tiềm năng* của chủ nghĩa tư bản hiện đại được biểu hiện cụ thể trên các lĩnh vực như: kinh tế, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lí, khả năng tự điều chỉnh để tồn tại và phát triển,... Có thể khái quát như sau:
 - + Chủ nghĩa tư bản ngày nay có sức sản xuất phát triển cao chưa từng có trong lịch sử hình thành và phát triển của nó. Chủ nghĩa tư bản có ưu thế trong việc sử dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển kinh tế. Các nước tư bản phát triển luôn đi đầu trong các lĩnh vực công nghiệp mới, tạo nên cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với internet kết nối vạn vật, rô-bốt cao cấp, công nghệ in 3D, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, công nghệ nano, khoa học về vật liệu tiên tiến,... Các nước tư bản phát triển (G7) trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học – công nghệ của thế giới, có quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người thuộc hàng cao nhất thế giới.
 - + Chủ nghĩa tư bản có bề dày kinh nghiệm và phương pháp quản lí, có cơ sở pháp chế kiện toàn và cơ chế vận hành xã hội tương đối hoàn chỉnh.
 - + Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế đã và sẽ tạo ra cho các nước tư bản những nguồn lực bên ngoài quan trọng để phát triển kinh tế. Với việc tổ chức và điều hành các công cụ kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, các nước tư bản phát triển ngày càng chi phối nhiều mặt của quá trình toàn cầu hoá, đồng thời biết khai thác lợi thế này một cách hiệu quả.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại đang phải đối mặt với *những thách thức*:
- + *Thứ nhất*, chủ nghĩa tư bản đang phải đối mặt và khó có thể giải quyết được những cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính mang tính toàn cầu.
- + *Thứ hai*, chủ nghĩa tư bản đã và đang phải đối mặt và không thể giải quyết được những vấn đề chính trị, xã hội nan giải.
- + *Thứ ba*, chủ nghĩa tư bản không có khả năng giải quyết triệt để mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng. Sự chênh lệch giàu nghèo làm sâu sắc thêm tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

...

Bài tập 7. Gợi ý trả lời:

- Chủ nghĩa tư bản là một chế độ người bóc lột người, chứa đầy rẫy sự bất công, bất bình đẳng về thu nhập. Mọi lợi nhuận đều thuộc về một nhóm nhỏ người nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất, còn đa số nhân dân lao động đều bị bóc lột. Không những vậy, song hành với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản các nước tư bản còn đẩy mạnh xâm lược thuộc địa (thời cận đại) hoặc tìm cách bóc lột được che đậy tinh vi hơn khi họ đầu tư tư bản sang các nước chậm phát triển và đang phát triển để tìm kiếm lợi nhuận ngày càng lớn.
- Kể từ khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường đúng đắn cho cách mạng Việt Nam (những năm 20 của thế kỉ XX) – đi theo con đường cách mạng vô sản dưới ánh sáng của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp công nhân, cách mạng Việt Nam đã giành được nhiều thắng lợi – giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đến những năm đầu thế kỉ XXI, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chưa bao giờ Việt Nam lại có cơ đồ, vị thế và uy tín cao trong cộng đồng quốc tế như vậy. Vì thế, chủ nghĩa tư bản không phải là sự lựa chọn là con đường phát triển của Việt Nam. Chỉ có đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, xây dựng chủ nghĩa xã hội mới đem lại nhiều nhất hạnh phúc cho nhân dân, đảm bảo và bảo vệ quyền lợi của đa số nhân dân lao động, xóa bỏ được chế độ người bóc lột người với những hạn chế của nó.

CHỦ ĐỀ 2. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY

BÀI 3.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	B	B	D	B	D	C	A	D

Bài tập 2. Đây là dạng bài tập yêu cầu HS làm việc với tư liệu để tự rút ra kiến thức. HS có thể gạch chân hoặc ghi vào vở những cụm từ: *cần phải đặt hết tâm trí vào việc xây dựng một Nhà nước vô sản xã hội chủ nghĩa* (Tư liệu 1), *giữ chính quyền càng khó khăn phức tạp hơn nhiều* (Tư liệu 2). Những cụm từ từ tư liệu cho thấy: Trong bối cảnh lúc bấy giờ, việc thành lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa – Nhà nước mới của những người lao động có vị trí quan trọng nhất, sau đó mới có thể thực hiện những mục tiêu, chính sách, đường lối khác.

Bài tập 3.2. Sự xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới là một trong những sự kiện quan trọng nhất của lịch sử thế giới hiện đại, có ý nghĩa to lớn đối với đất nước Xô viết và phong trào cách mạng thế giới.

Bài tập 4.

4.1. Quốc huy đầu tiên của Liên Xô – biểu tượng quốc gia, bao gồm hình ảnh búa liềm trên quả địa cầu được vẽ trên nền những tia nắng mặt trời, xung quanh là những bông lúa mì, với dòng chữ "Giai cấp vô sản thế giới đoàn kết lại!" bằng sáu thứ tiếng: Nga, U-crai-na, Bé-lô-rút-xi-a, Gru-di-a, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-dan.

Nhận xét: Nhà nước Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết thực sự là Nhà nước kiểu mới. Tất cả những việc làm, chính sách đều vì mục tiêu chung là nhân dân lao động, vì giai cấp vô sản trên toàn thế giới, tiến tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

4.2. HS có thể tìm hiểu và so sánh (Gợi ý: Đều có biểu tượng ngôi sao năm cánh, bông lúa trên Quốc huy, ...).

Bài tập 5. HS xây dựng theo ý tưởng riêng nhưng đảm bảo giới thiệu được nội dung chính về quá trình thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết trải qua các bước chính: (1) Chính quyền Xô viết được thành lập ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi tháng 10 – 1917; (2) Trong cuộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài, các nước Cộng hoà Xô viết đã đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; (3) Nhiệm vụ khôi phục và xây dựng đất nước sau chiến tranh đòi hỏi

sự liên minh chặt chẽ hơn nữa, nhất là sự thống nhất trên cơ sở Nhà nước liên bang; (4) Ngày 30 – 12 – 1922, tại Mát-xcơ-va, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang đã thông qua bản Tuyên ngôn thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) và bản Hiệp ước Liên bang.

Bài tập 6. *Gợi ý:* Nhiều người dân Nga vẫn tôn trọng và mong muốn gìn giữ những giá trị của Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết vì: muốn duy trì những ưu việt của chủ nghĩa xã hội, quyền lợi của người lao động, miễn phí y tế, giáo dục,...; khôi phục lại vị thế, sức mạnh cường quốc của Liên Xô với 15 nước cộng hoà; sự hợp tác, quan hệ hữu nghị giữa các nước, các dân tộc anh em trong liên bang Xô viết,...

BÀI 4.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	C	C	D	D	B	A	C	B

Bài tập 2.

- Đúng: 1, 3.
- Sai: 2 (Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập năm 1949), 4 (Các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bắt đầu có sự suy giảm về kinh tế từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX), 5 (Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã sau hơn 70 năm tồn tại).

Bài tập 3.

3.1. Ghép: 1 – a, e; 2 – c, d, h, i; 3 – b; 4 – g.

3.2. Ghép: 1 – a, c, d, g; 2 – b, e, h.

Bài tập 5.

5.1. Nguyên nhân:

- Đây là dạng bài tập yêu cầu HS làm việc với tư liệu để tự rút ra kiến thức. HS có thể gạch chân hoặc ghi vào vở những cụm từ: *Duy trì quá lâu những khiếm khuyết của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội; chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ; ở một số nước, Đảng Cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo.*

– Từ đó, có thể phân tích:

Thứ nhất, do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; áp dụng máy móc mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nhiều năm; chậm đổi mới cơ chế và hệ thống quản lý kinh tế.

Thứ hai, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại không được áp dụng kịp thời vào sản xuất; năng suất lao động xã hội suy giảm dẫn tới tình trạng trì trệ kéo dài về kinh tế; sự sa sút, khủng hoảng lòng tin trong xã hội.

Thứ ba, quá trình cải cách, cải tổ phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, cách thức tiến hành. Sự xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản khiến cho khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng, trực tiếp dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự tan rã của Liên Xô.

Thứ tư, hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch ở trong nước và các thế lực bên ngoài góp phần làm gia tăng tình trạng bất ổn và rối loạn.

5.2. HS đánh giá nguyên nhân quan trọng nhất dựa trên phân tích của mình.
(Gợi ý: Nguyên nhân quan trọng nhất đó là do đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản ở Liên Xô và các nước Đông Âu mang tính chủ quan, duy ý chí; áp dụng máy móc mô hình kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp trong nhiều năm; chậm đổi mới cơ chế và hệ thống quản lý kinh tế,... vì đó là nguyên nhân mang tính chi phối các đường lối, chính sách của một quốc gia,...).

Bài tập 7.2. Những thành tựu của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc là cơ sở vững chắc để chứng minh sự đúng đắn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Trung Quốc. Cần lưu ý, thực tiễn lịch sử cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một xã hội mới về chất, một sự nghiệp sáng tạo đầy thử thách, lâu dài, không thể nóng vội. Sự phát triển của Trung Quốc đã và đang chứng minh chủ nghĩa xã hội không sụp đổ mà đang có những triển vọng thực sự. Dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng chủ nghĩa xã hội tiếp tục phát triển trong hiện tại và là triển vọng tương lai của nhân loại.

Bài tập 8. Những bài học đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay:

– Phải thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng để giữ vững vai trò cầm quyền của Đảng, bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh và gắn bó với nhân dân. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, nắm chắc quần chúng và động viên được sức mạnh của nhân dân.

- Xây dựng nền kinh tế ổn định và phát triển vững chắc, giữ được độc lập tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lí của Nhà nước đối với nền kinh tế.
- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên, nhân dân.

...

Bài tập 9. Những hành động cụ thể: đạt thành tích tốt trong học tập, tham gia đóng góp các phong trào ở nhà trường, ở địa phương,...

CHỦ ĐỀ 3. QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

BÀI 5.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	A	D	B	A	D	B	A	D	A	A	C

Bài tập 2.

- Đúng: 2, 4, 6, 7.
- Sai: 1 (Xiêm mặc dù không trở thành thuộc địa nhưng vẫn bị lệ thuộc vào thực dân phương Tây), 3 (Thực dân Tây Ban Nha xâm lược và thống trị Phi-líp-pin), 5 (Thực dân Pháp phải đến năm 1893 mới hoàn thành việc xâm chiếm ba nước Đông Dương).

Bài tập 3. Ghép: 1 – d; 2 – e; 3 – a; 4 – c; 5 – b.

Bài tập 4.

- 4.1.** Đây là dạng bài tập yêu cầu HS làm việc với tư liệu để tự rút ra kiến thức. HS ghi vào vở những cụm từ thể hiện chính sách cai trị: *khai thác, vơ vét và bóc lột... bằng chính sách thuế khoá; cướp ruộng đất lập đồn điền, bóc lột sức người, khai thác tài nguyên; khai thác triệt để sản phẩm nông nghiệp, tiếp tục đầu tư để bóc lột lâu dài,...* (Tư liệu 1); *họ phải đổ mồ hôi, sôi nước mắt trong những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trắng tráo trong cảnh đói khát và nghèo khổ của nhân dân* (Tư liệu 2).

4.2. Chính sách cai trị của thực dân phương Tây đã tác động tiêu cực đến các nước Đông Nam Á trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá – giáo dục. HS sử dụng những dẫn chứng minh hoạ vừa tìm ở trên và tìm hiểu thêm từ chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương nói chung hoặc Việt Nam nói riêng.

Bài tập 6.2. Vua Ra-ma V (Chu-la-long-kon) đã tiến hành hàng loạt cải cách quan trọng về kinh tế, xã hội, hành chính, giáo dục, ngoại giao,... ở Xiêm trong thời kì trị vì của mình. Những chính sách quan trọng về kinh tế đã góp phần giải phóng lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở cửa cho hàng hoá xuất khẩu... Việc thi hành hàng loạt biện pháp cải cách hành chính, luật pháp, quân sự, giáo dục theo kiểu phương Tây đã đưa đất nước phát triển nhanh chóng theo hướng tư bản chủ nghĩa. Từ những thành tựu của công cuộc cải cách, chính phủ Xiêm thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo nhằm giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước, ứng phó hiệu quả trước làn sóng xâm lược của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á.

Bài tập 7. Trên cơ sở sưu tầm các nguồn tư liệu từ sách, báo, internet, HS viết đoạn văn chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình về đời sống của nhân dân các nước Đông Nam Á dưới sự cai trị của thực dân phương Tây (có kèm dẫn chứng từ tư liệu trong SGK hoặc từ các nguồn khác).

Bài tập 8. Đây là bài tập yêu cầu HS bày tỏ quan điểm về một ý kiến. HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý, điều quan trọng là các em cần căn cứ vào kiến thức đã học để đưa ra những dẫn chứng và lập luận bảo vệ cho quan điểm của mình.

Ví dụ: Đồng ý với ý kiến vì: Công cuộc cải cách khá toàn diện của Xiêm đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, mở cửa cho hàng hoá xuất khẩu,... đưa Vương quốc Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, từng bước hội nhập với thế giới trong những thập niên tiếp theo. Trên cơ sở những thành tựu của công cuộc cải cách, Xiêm có thực lực để thực hiện đường lối ngoại giao mềm dẻo, nhằm giữ vững nền độc lập và chủ quyền đất nước, không bị rơi vào tình trạng thuộc địa.

BÀI 6.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
B	D	D	C	A	C	B	A	A	C	D	B	D

Bài tập 4.2. Hoàng tử Đì-pô-nê-gô-rô đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa kéo dài trong 5 năm (1825 – 1830), được các lãnh chúa hưởng ứng và thu hút sự tham gia của đông đảo người dân từ khắp mọi miền trên đảo Gia-va và các đảo khác ở In-đô-nê-xi-a. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã gây ra những tổn thất nặng nề cho chính quyền thực dân. Đì-pô-nê-gô-rô trở thành “một lãnh tụ có sức hấp dẫn đối với bộ phận rộng lớn người Gia-va” trong cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân In-đô-nê-xi-a.

Bài tập 5. Trên cơ sở sưu tầm các nguồn tư liệu từ sách, báo, internet, HS viết đoạn văn chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận của mình về sự nỗ lực vươn lên của các nước Đông Nam Á: Khi bắt tay vào công cuộc tái thiết và phát triển đất nước, các nước Đông Nam Á đều gặp không ít khó khăn do những hậu quả nặng nề của thời kì thuộc địa. Trong bối cảnh đó, việc thực hiện công nghiệp hoá là con đường duy nhất để thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu sau khi giành độc lập. Các nước Đông Nam Á tiến hành chiến lược công nghiệp hoá hai giai đoạn ở những thời điểm khác nhau, tùy theo bối cảnh lịch sử của từng nước, nhưng đều đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội.

Bài tập 6. Đây là bài tập yêu cầu HS bày tỏ quan điểm về một ý kiến. HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý, điều quan trọng là các em cần căn cứ vào kiến thức đã học để đưa ra những dẫn chứng và lập luận bảo vệ cho quan điểm của mình.

Ví dụ: Đồng ý với ý kiến vì: Chính sách cai trị của thực dân phương Tây trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục đã tác động tiêu cực đến các nước thuộc địa (dẫn chứng), khiến cho đời sống của nhân dân lao động vô cùng khổ cực, nhưng để phục vụ cho mục đích cai trị, bóc lột của mình và nhằm thu lợi nhuận cao nhất để mang về chính quốc, thực dân phương Tây buộc phải đầu tư cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu cống,...), do đó tạo ra một số chuyển biến nhất định. Những chuyển biến đó nằm ngoài mong muốn chủ quan của thực dân phương Tây.

Chủ đề 4. CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

BÀI 7.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
C	B	A	D	B	C	B	D	A	C

Bài tập 2. – Đúng: 1, 3, 5, 7.

- Sai: 2 (Triều Lý thực hiện kế hoạch “tiên phát chế nhân”), 4 (Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285), 6 (Chu Văn An là một danh nhân có đóng góp cho giáo dục vào thời Trần).

Bài tập 3. (1) độc lập; (2) bản sắc văn hoá; (3) quá trình xây dựng đất nước; (4) tự hào; (5) ý thức tự cường; (6) truyền thống tốt đẹp; (7) bài học kinh nghiệm.

Bài tập 6. 1 – i, 2 – e, 3 – k, 4 – g, 5 – b, 6 – c, 7 – d, 8 – a, 9 – h.

Bài tập 7. HS có thể lựa chọn một cuộc kháng chiến tiêu biểu và lập hồ sơ tư liệu đảm bảo các nội dung sau:

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| – Nguyên nhân | – Chiến thuật |
| – Thời gian | – Trận đánh lớn |
| – Chống quân xâm lược | – Kết quả |
| – Người lãnh đạo và bộ chỉ huy | – Ý nghĩa |
| kháng chiến | – Bài học kinh nghiệm. |

Bài tập 8. HS có thể lựa chọn một trong các nhân vật tiêu biểu trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam trước năm 1858: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ,...

Bài tập 9.

– Những bài học từ lịch sử chống ngoại xâm được rút ra từ các cuộc kháng chiến thành công và không thành công: yêu nước, đoàn kết, tập hợp lực lượng, đường lối kháng chiến,...

– Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, những bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị: các thế lực thù địch vẫn không ngừng chống phá bằng nhiều thủ đoạn tinh vi hơn, đòi hỏi Đảng ta phải luôn có những chủ trương, biện pháp đúng đắn; nhân dân phải nâng cao nhận thức và quyết tâm bảo vệ đất nước.

BÀI 8.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D	C	C	C	A	B	D	D	C	B	D

Bài tập 2.

- Đúng: 3, 6, 8.
- Sai: 1 (Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại, đất nước ta bước vào thời kì bị nhà Minh đô hộ, năm 1418, khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ); 2 (Trong những năm đầu của cuộc khởi nghĩa, Lê Lợi phải rút quân ba lần lên núi Chí Linh); 4 (Đông Quan là nơi tổ chức Hội thề Đông Quan, do Lê Lợi và Vương Thông dẫn đầu hai phía để bàn về kết thúc chiến tranh, quân Minh rút về nước); 5 (Năm 1416, Lê Lợi cùng các hào kiệt tổ chức hội thề ở Lũng Nhai nguyện một lòng đánh giặc cứu nước); 7 (Nghĩa quân Lam Sơn liên tiếp giành thắng lợi tại Chi Lăng (Lạng Sơn), Cần Trạm, Phố Cát và Xương Giang (Bắc Giang) đã khiến quân Minh phải tham gia Hội thề Đông Quan, rút quân về nước); 9 (Khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã khôi phục nền độc lập dân tộc, mở ra thời kì phát triển mới của đất nước).

Bài tập 3.

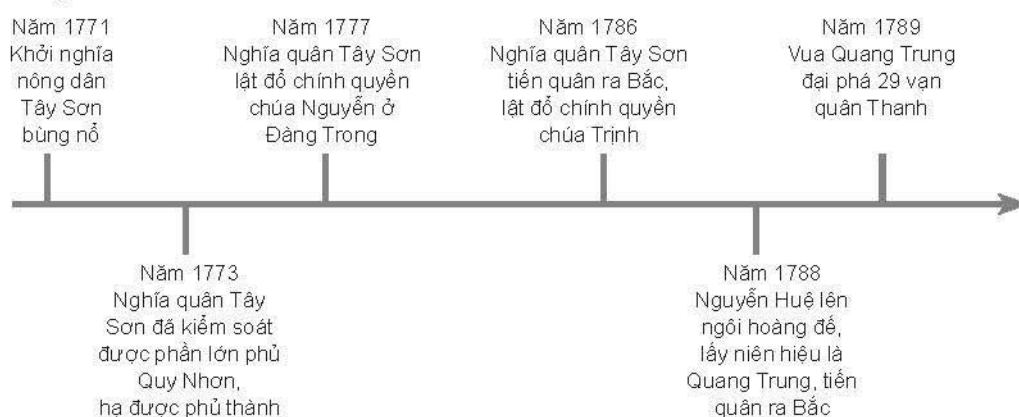
- 3.1. (1) chiến tranh giải phóng dân tộc; (2) nhân dân; (3) nhà Minh; (4) độc lập dân tộc;
- 3.2. (1) cuộc khởi nghĩa địa phương; (2) phong trào dân tộc; (3) Nguyễn – Trịnh; (4) chia cắt đất nước; (5) độc lập dân tộc; (6) chủ quyền lãnh thổ.

Bài tập 4.

4.1. 1 – d, 2 – c, 3 – b, 4 – a.

4.2. 1 – c, 2 – a, 3 – g, 4 – e, 5 – b, 6 – d, 7 – h.

Bài tập 6. Xây dựng trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của phong trào Tây Sơn:



Bài tập 7. Có thể thống kê một số sự kiện lịch sử tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) có mối liên hệ với các câu thơ trong bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.

Câu thơ trong bài <i>Bình Ngô đại cáo</i>	Sự kiện lịch sử trong khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)
Núi Lam Sơn dấy nghĩa Chốn hoang dã nương mình	Xây dựng căn cứ địa Lam Sơn
Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật, Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay	Trận Bồ Đằng (Nghệ An) năm 1424 Trận Trà Lân (Nghệ An) năm 1424
Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm	Chiến thắng Tốt Động – Chúc Động (1427)
“Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế Ngày hai mươi, trận Mã An, Liễu Thăng cụt đầu Ngày hai lăm, bá tước Lương Minh chiến bại tử vong Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tự vẫn”	Chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang (1428)
...	...

Bài tập 8. Có thể viết một đoạn văn ngắn với những gợi ý như sau:

- Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Có thể kể đến một số bài học như:
- + Bài học về vận động, tập hợp lực lượng là một trong những yếu tố đóng vai trò quyết định. Việc vận động, tập hợp lực lượng được thực hiện qua khẩu hiệu, lời kêu gọi, qua chính sách chiêu mộ nhân tài,... Quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân cũng thể hiện tính chất dân tộc và chính nghĩa của các cuộc đấu tranh giành lại độc lập hoặc chống ách áp bức bóc lột.
- + Bài học về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là yếu tố đóng vai trò nền tảng, then chốt. Việc xây dựng, củng cố và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc thể hiện qua chính sách đoàn kết trong nội bộ tướng lĩnh, giữa tướng lĩnh và binh lính, giữa các tầng lớp nhân dân và các dân tộc...

- + Bài học về nghệ thuật quân sự nổi bật là nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân; lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy yếu chống mạnh; kết hợp giữa hoạt động quân sự, chính trị, ngoại giao và binh vận,...
- Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam vẫn còn nguyên giá trị, có vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc giữ vững ổn định chính trị – xã hội, phát triển kinh tế – văn hoá; trong quá trình xây dựng và củng cố nền quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Bài học lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam cũng có giá trị đối với chính sách đối ngoại của Việt Nam trong bối cảnh tình hình khu vực và thế giới có nhiều biến đổi.

CHỦ ĐỀ 5. MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 9.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5
C	B	B	B	D

Bài tập 2.

- Đúng: 1, 3, 4, 5, 7.
- Sai: 2 (Khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương diễn ra vào thế kỉ XVIII), 6 (Triều Hồ không xây dựng thành Đông Đô), 8 (Triều Hồ đã tổ chức hai kì thi), 9 (Cuộc cải cách của Triều Hồ và Hồ Quý Ly vẫn còn nhiều điểm không triệt để).

Bài tập 3. Ghép: 1 – d, e, i, k; 2 – a; 3 – b, c; 4 – g, h, l.

Bài tập 5. Đây là bài tập yêu cầu HS bày tỏ quan điểm về một ý kiến. HS có thể đồng ý hoặc không đồng ý, điều quan trọng là các em cần căn cứ vào kiến thức đã học để đưa ra những dẫn chứng và lập luận bảo vệ cho quan điểm của mình.

Ví dụ: Đồng ý với ý kiến vì: Trong khoảng thời gian nắm quyền chính ở Triều Trần và Triều Hồ, Hồ Quý Ly đã tiến hành một loạt các biện pháp cải cách toàn diện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục,...

Những biện pháp đó nhằm giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội Đại Việt, hạn chế quyền lực của tầng lớp quý tộc, đặc biệt là quý tộc nhà Trần, xây dựng một nhà nước quân chủ chuyên chế tập trung vững mạnh. Những cải cách của ông tương đối toàn diện và thống nhất, bao gồm nhiều lĩnh vực từ chính trị, quốc phòng đến kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục với mong muốn là đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Ông có tầm nhìn, năng lực và quyết đoán. Chính sách cải cách thu được những kết quả nhất định song vẫn còn một số hạn chế, bất cập.

BÀI 10.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6
A	C	A	B	A	D

Bài tập 2.

- Đúng: 2, 3, 6.
- Sai: 1 (Vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh đất nước đã từng bước ổn định), 4 (Vua Lê Thánh Tông chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô), 5 (Nhà nước ban hành bộ *Quốc triều hình luật*).

Bài tập 3. Ghép: 1 – d, 2 – c, 3 – e, 4 – a, 5 – b.

Bài tập 5. Một số bài học từ cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có thể vận dụng, kế thừa trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay:

- Nguyên tắc “trên dưới liên kết hiệp đồng, trong ngoài kiểm chế lẫn nhau” trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông rất coi trọng chức năng giám sát thông qua hoạt động của lục Khoa, Đô sát viện, Hiến ty. Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ hỗ trợ, giám sát lẫn nhau giữa các bộ, khoa, tự, giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, trình tự, quy chế làm việc được phân định cụ thể, rành mạch.

- Tuyển chọn quan lại công khai, minh bạch thông qua chế độ khoa cử được thực hiện nề nếp, quy củ,...

- Quản lí nhà nước bằng pháp luật, đề cao pháp luật. Những điều luật trong *Quốc triều hình luật* phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật hiện đại: bảo vệ chủ quyền quốc gia; tôn trọng tính tối cao của pháp luật; nêu cao tinh thần đoàn kết dân tộc; có những quy định nhân văn đối với những đối tượng “dễ bị tổn thương” trong xã hội như: người già, phụ nữ, trẻ em, người tàn tật, mồ côi, góa phụ,...

BÀI 11.

Bài tập 1.

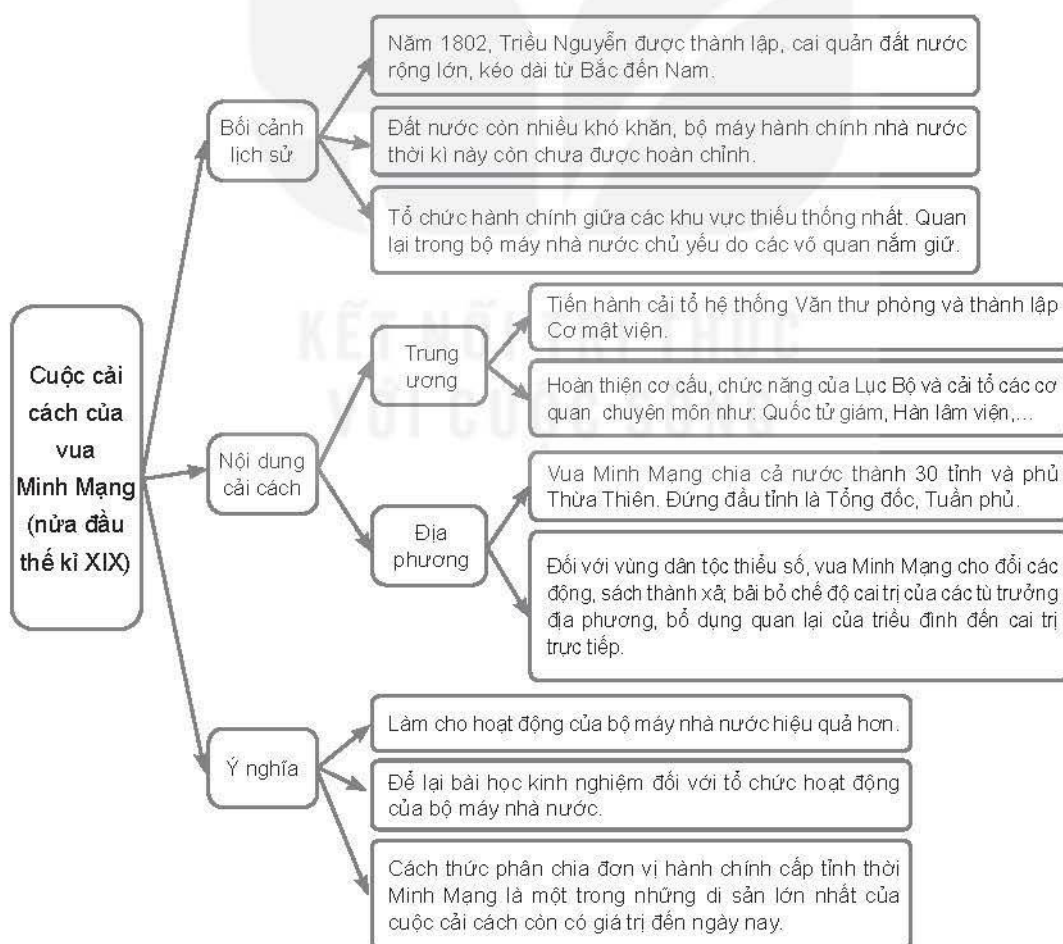
1	2	3	4	5	6	7
D	C	B	C	A	B	A

Bài tập 2.

- Đúng: 1, 3, 4, 5, 6, 7.
- Sai: 2 (Nội các và Cơ mật viện là cơ quan tham mưu và tư vấn tối cao về cả hành chính, chính trị và an ninh, quân sự).

Bài tập 3. Ghép: 1 – g, 2 – h, 3 – b, 4 – c, 5 – e, 6 – d, 7 – a.

Bài tập 4. Có thể tham khảo sơ đồ sau:



Bài tập 5. Có thể tham khảo sơ đồ sau:



Bài tập 6.

Một số bài học kinh nghiệm nào từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện nay:

- Nguyên tắc “trên dưới liên kết hiệp đồng, trong ngoài kiểm chế lẫn nhau” trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước (chế độ liên tỉnh, đặt Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh; hồi ty,...).

- Tăng cường kiểm tra, giám sát trong bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương:

- + Đô sát viện được thành lập năm 1832 là cơ quan giám sát các cơ quan hành chính từ trung ương tới địa phương. Đô sát viện, Đại lý tự và Bộ Hình là ba cơ quan tạo thành hệ thống tư pháp thời Nguyễn.

- + Để giám sát hoạt động của Lục Bộ, nhà vua cho lập Lục Khoa với nhiều quyền đối trọng với Lục Bộ. Cơ chế giám sát, kiểm tra như vậy đã góp phần vào củng cố quyền lực và vị thế của nhà vua, hạn chế phần nào tiêu cực trong bộ máy hành chính, trong đội ngũ quan lại Triều Nguyễn.

- Hạn chế được tình trạng cục bộ, bè phái, quan lại câu kết với nhau trong những vấn đề nhạy cảm của nền hành chính như: tuyển dụng, khen thưởng, đề bạt, câu kết tham nhũng,... thông qua chế độ hồi ty.

...

CHỦ ĐỀ 6. LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

BÀI 12.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	A	C	C	B	B	D	A	B

Bài tập 2.

- Đúng: 2, 4, 5, 7, 8.
- Sai: 1 (Quần đảo Trường Sa có khoảng 100 đảo lớn, nhỏ và quần đảo Hoàng Sa có khoảng 37 đảo lớn nhỏ); 3 (Biển Đông là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và quan trọng); 6 (Biển Đông không có tài nguyên đất để phát triển nông nghiệp trồng lúa nước); 9 (Quần đảo Hoàng Sa trải rộng trên khu vực nhỏ hơn quần đảo Trường Sa rất nhiều).

Bài tập 4. Đây là dạng bài tập yêu cầu HS làm việc với tư liệu để tự rút ra kiến thức. HS có thể gạch chân hoặc ghi vào vở những cụm từ thể hiện cho sự phong phú của nguồn sinh vật, tài nguyên biển: *12 000 loài sinh vật, trong đó có khoảng 2 040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú, ... tập trung 221 loài cây nước mặn, khu vực thềm lục địa có tiềm năng dầu khí cao, ...*

Từ tư liệu, nêu được tiềm năng của Biển Đông: Biển Đông có tài nguyên khoáng sản và sinh vật biển phong phú, nhiều loài quý hiếm nên có tiềm năng đối với kinh tế và nghiên cứu khoa học. Cụ thể: trữ lượng thủy hải sản lớn đem lại tiềm năng đánh bắt thủy hải sản; nhiều loài sinh vật biển có giá trị kinh tế cao; nhiều loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng nên cần được lưu giữ nguồn gen, thực hiện các nghiên cứu khoa học phục vụ bảo tồn. Đặc biệt, khu vực này có nhiều bồn trũng với trữ lượng dầu khí lớn góp phần giải quyết nhu cầu năng lượng cho các ngành vận tải, công nghiệp...

Bài tập 6. Biển Đông có vị trí quan trọng trong an ninh, hàng hải quốc tế là vì:

- Biển Đông là biển lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á.
- Biển Đông là con đường di chuyển ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, Đông Á và Trung Đông, châu Âu và châu Á.

- Khu vực Biển Đông có nhiều đảo, quần đảo nằm rải rác, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa có ưu thế trong xây dựng thành các căn cứ hậu cần kĩ thuật phục vụ hoạt động kinh tế và quân sự.
- Nhiều eo biển trên Biển Đông là nơi điều tiết giao thông đường biển quan trọng, con đường đi thuận lợi để kết nối nhiều nước, đặc biệt là có các quốc gia đông dân như Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a, Trung Quốc.
- Nhiều quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á tiếp giáp với Biển Đông nên khu vực biển này là nơi trung chuyển khối lượng hàng hoá lớn bằng đường biển của các quốc gia này. Đối với các nước như Nhật Bản, Trung Quốc, Ô-x-trây-li-a, Việt Nam, Biển Đông gần như là con đường vận chuyển hàng hoá bằng đường biển chủ yếu. Vì vậy, năm trên mười tuyến đường thương mại biển quốc tế đều đi qua khu vực biển này.

Bài tập 7. HS có thể lấy các ví dụ liên quan đến các ngành kinh tế hoặc vấn đề xã hội cụ thể của từng quốc gia. *Gợi ý:* công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, du lịch, giải quyết việc làm của cư dân các khu vực ven biển,...

BÀI 13.

Bài tập 1.

1	2	3	4	5	6	7	8	9
B	B	D	B	A	A	D	D	A
10	11	12	13	14	15	16	17	
B	A	C	A	D	A	C	A	

Bài tập 2.

- Đúng: 2, 3, 5, 6, 8, 9, 10, 11.
- Sai: 1 (Đường bờ biển của Việt Nam kéo dài từ Quảng Ninh đến Kiên Giang); 4 (Các đội dân binh Hoàng Sa, đội Bắc Hải được thành lập đầu tiên dưới thời chúa Nguyễn); 7 (*Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* là bản đồ do Đoàn Quận công Bùi Thế Đạt vẽ).

Bài tập 4. Câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam:

- Là tuyến phòng thủ hướng Đông của đất nước.
- Cung cấp nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng và quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

...

Bài tập 5. Các đội dân binh hoạt động dưới danh nghĩa nhà nước đã xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, chứng tỏ sự quan tâm của Nhà nước đối với chủ quyền biển đảo. Hoạt động của đội Hoàng Sa và Bắc Hải là minh chứng cho thấy quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam là liên tục và từ rất sớm.

Bài tập 6. Các văn bản này đã từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến sử dụng, quản lí và bảo vệ vùng biển Việt Nam; xây dựng và tuyên bố các cơ sở pháp lí quan trọng khẳng định chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa cũng như vùng biển thuộc Việt Nam theo đúng quy định của luật pháp quốc tế.

Bài tập 7. Nguyên tắc được thể hiện là: các tranh chấp về lãnh thổ, các quyền và lợi ích hợp pháp sẽ được các bên liên quan là ASEAN và Trung Quốc giải quyết bằng biện pháp hoà bình như đàm phán, tham vấn lẫn nhau phù hợp với của luật pháp quốc tế.

Một số ví dụ: Việt Nam ứng xử với lệnh cấm đánh bắt cá của Trung Quốc trên Biển Đông, Việt Nam đàm phán với các nước láng giềng để giải quyết tranh chấp về phân định biển phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982 (như với In-đô-nê-xi-a, Trung Quốc, Ma-lai-xi-a,...),

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG – TRẦN ĐÌNH PHIÊN
Thiết kế sách: ĐÌNH THANH LIÊM
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP LỊCH SỬ 11

Mã số: G1BHYS001H23

In cuốn (QĐ SLK), khổ 17 x 24cm.
In tại Công ty cổ phần in
Số ĐKXB: 460-2023/CXBIPH/3-438/GD
Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm
In xong và nộp lưu chiểu tháng năm
Mã số ISBN: 978-604-0-37385-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH BÀI TẬP LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- | | |
|---|---|
| 1. Bài tập Ngữ văn 11, tập một | 8. Bài tập Vật lí 11 |
| 2. Bài tập Ngữ văn 11, tập hai | 9. Bài tập Hoá học 11 |
| 3. Bài tập Toán 11, tập một | 10. Bài tập Sinh học 11 |
| 4. Bài tập Toán 11, tập hai | 11. Bài tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 5. Bài tập Lịch sử 11 | 12. Bài tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| 6. Bài tập Địa lí 11 | 13. Bài tập Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 |
| 7. Bài tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11 | 14. Bài tập Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 |
| | 15. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách bài tập |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.

